

anh ở cổng sân bay. Vô đó bà Lệ Xuân hẹn sẽ cho xe đón hai đứa mình anh ạ.

Đàn thấy hành động của Duyên là rất hợp với anh, nên anh sẵn sàng lên xe đó vô Sài Gòn. Đàn đến cổng sân bay đã thấy Mỹ Duyên có mặt ở đó chờ anh. Một chiếc xe du lịch màu trắng sữa từ từ đỗ lại trước mặt hai người. Trên xe có một cô gái, Đàn đoán đó là nhân viên hộ tống cho Duyên.

Chiếc xe du lịch từ từ lăn bánh rồi tăng tốc độ vút vào thành phố. Chỉ một loàng đã lăn bánh rồi đỗ lại ở dinh Gia Long. Bọn cảnh sát gác ở dinh Gia Long thấy xe của Lệ Xuân, vội nhanh chân ra mở cửa xe rồi mời Đàn và Duyên đi lên phòng làm việc của Lệ Xuân. Lệ Xuân tươi cười đón khách. Đàn và Duyên đang nghe Lệ Xuân nói:

- Em Duyên làm quen với cậu thủ khoa này lâu chưa?

- Dạ thưa chị, cũng được hơn một năm rồi ạ. Anh Đàn về nhận việc được 3, 4 tháng, thì tình cờ có cuộc trao đổi nghề nghiệp. Từ bữa đó hai chúng em quen nhau và trở thành rất thân chị Lệ Xuân à!

- Trai tài giỏi đã gặp gái thuyền quyền. Ông bà ta dạy chẳng có sai chút nào.

Cả khách và chủ đều cười vui vẻ. Bỗng có chuông điện thoại reo. Lệ Xuân cảm ồng nghe rồi nói với Đàn:

- Anh Nhu kêu chú Đàn sang làm việc với anh ấy. Duyên ở đây làm việc với chị. Khi nào xong việc thì chị nói anh Nhu cùng đến ăn cơm với chúng mình. Chị chuẩn bị hết rồi. Không phải đi nhà hàng. Ra đó lộn xộn lắm, hơn nữa không quen với khẩu vị của nhà hàng các em ạ.

Đàn đứng dậy, theo sau một cảnh vệ đi tới phòng làm việc của Nhu. Nhu đã chờ đón Đàn. Vừa thấy Đàn, Nhu đã nói:

- Công việc chú em ra sao? Làm việc dưới quyền Chánh Thi là hơi khó chịu đấy. Hấn vừa hay gắt gỏng, vừa keo kiệt. Tuy nhiên, Chánh Thi cũng là tên tướng biết nghe. Tôi và Tổng thống căn nhắc mãi về cái chức Tư lệnh vùng chiến thuật một, không giao cho hấn thì không có tên tướng nào hơn. Chú em kể qua công việc cho anh nghe nào.

Trước hết Đàn nói:

- Em sẵn sàng làm bất cứ ở công việc gì được giao, được phục vụ tốt các ý đồ của Tổng thống và anh. Công việc gần đây thì anh biết quà đi rồi, đảng lẽ em không cần báo cáo với anh, vì anh đã hiểu hết. Nhưng tiện đây em cứ báo cáo, chẳng mấy khi được gặp anh. Vùng chiến thuật một đã và đang chuẩn bị rào riết tất cả các yêu cầu cho ý đồ chiến lược của Tổng thống và anh. Kinh phí cho vùng chiến thuật một được cấp là ba trăm triệu đô-la Mỹ. Riêng kinh phí cho nâng cấp và mở rộng sân bay là một trăm bảy chục triệu. Một khoản kinh phí quá lớn anh à.

(còn nữa)

Người trực tiếp bảo đảm ngư lôi đánh trận đầu

11/08/2004 - tháng 8 năm 2004

Ông Trương Thế Hùng giờ đây đã ở tuổi thất thập nhưng vẫn khỏe, nước da đỏ au và đặc biệt là còn rất minh mẫn. Mọi chuyện của cuộc đời ông, nhất là những năm tháng phục vụ trong Quân chủng Hải quân, ông vẫn nhớ và kể rõ ràng, khúc chiết như mới xảy ra ngày hôm qua, vì thế chúng tôi trân trọng gọi ông là "pho sử sống". Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, ông đã nổi danh bởi chính ông là người trực tiếp thành công quả thủy lôi đầu tiên của đế quốc Mỹ phong tỏa các dòng sông, cảng, biển miền Bắc để từ đó nghiên cứu ra phương thức chống chiến lược phong tỏa của đế quốc Mỹ. Khâm phục tài trí và lòng dũng cảm của ông, chúng tôi lại đặt cho ông cái tên "Trương Thế Hùng- Người đối mặt với tử thần" và do lập được thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, tháo gỡ thủy lôi của địch phong tỏa, ông và các cộng sự của ông đã được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh... Thế mà ông vẫn còn một chiến công có "tính lịch sử" nữa mà nhiều người chưa biết đến, đó là ông đã trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật cho trạm ngư lôi thuộc căn cứ Vạn Hoa chuẩn bị ngư lôi cho ba tàu 333, 336, 339 xuất phát đi đánh tàu khu trục Ma-đốc Mỹ ngày 2-8-1964.

Đơn vị tàu ngư lôi duy nhất lúc đó là đoàn 135, trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân đóng tại Căn cứ Vạn Hoa, Quảng Ninh. Tàu phóng ngư lôi hồi ấy là kiểu 123K được nước bạn viện trợ cho ta từ năm 1960-1961 có lượng dẫn nước 76 tấn; trang bị 2 ống phóng ngư lôi, 1 khẩu 14 ly 5, vỏ tàu bằng hợp kim nhôm. Căn cứ Vạn Hoa lúc đó có hai trạm kỹ thuật và một đốc nổi Đ41. Mỗi trạm biên chế 10 người. Việc bảo quản, sửa chữa cho tàu trước đây đều do Xưởng 46 đảm nhiệm. Năm 1963, Hải quân ta đóng xong đốc nổi Đ41 và biên chế về căn cứ Vạn Hoa nên công tác bảo đảm kỹ thuật thuận tiện hơn, tàu của đoàn 135 phóng lôi đều được đưa lên đốc nổi Đ41 để rửa mặn, bảo quản hoặc sửa chữa vừa, sửa chữa lớn, không phải thuê cán cầu nổi hoặc tàu kéo đưa về Hải Phòng sửa chữa nữa.

Trước âm mưu và động thái mới của đế quốc Mỹ, ngày 2-6-1964, Bộ Tư lệnh Hải quân trực tiếp giao nhiệm vụ cho phóng quân giới và đồng chí Trương Thế Hùng, tổ trưởng tổ kỹ vũ khí dưới nước cùng đồng chí Cô-nhi-nhét-xốp, chuyên gia Liên Xô ra Vạn Hoa kiểm tra, nắm tình hình số lượng, chất lượng ngư lôi chiến đấu. Sau khi kiểm tra kỹ từng quả, lựa chọn 6 quả, rút thăm lấy 1 quả bất kỳ, lắp xuống tàu bắn thử theo chỉ thị của Tư lệnh Hải quân. Để thực hiện nội dung trên, đồng chí Cô-nhi-nhét-xốp yêu cầu ta phải chuẩn bị tàu chuyên dùng có trang bị cần cầu để khi bắn xong thì vớt quả ngư lôi lên, nhưng lúc đó Hải quân ta chưa có loại tàu này nên đồng chí Hùng đề xuất với Bộ Tư lệnh là dùng bè nửa để kẹp hai bên ngư lôi kéo về. Thấy đề xuất có thể thực hiện được nên Bộ Tư lệnh Hải quân chỉ thị cho đồng chí Hùng về ngay Sở chỉ huy Quân chủng để trực tiếp báo cáo và thuyết trình phương án kẹp ngư lôi bằng bè nửa. Sau khi nghe đồng chí Hùng trình bày, các đồng chí Nguyễn Bà Phát, Phó Tư lệnh Hải quân; đồng chí Hoàng Trà, Phó Chính ủy Hải quân và các đồng chí trong Bộ Tư lệnh đã cùng hội ý và nhất trí phương án này.

Trước những diễn biến phức tạp trên vùng biển nam Khu 4 và Biển đông, ngày 28-6-1964, Bộ Tư lệnh Hải quân ra lệnh lắp ngư lôi chuẩn bị chiến đấu. Thời điểm này, chuyên gia Cô-nhi-nhét-xốp đã về nước, đồng chí Trương Thế Hùng trực tiếp chỉ đạo trạm sửa chữa ngư lôi Vạn Hoa tổ chức lắp ngư lôi lên 3 tàu chiến đấu 333, 336, 339 thuộc Phân đội 3. Sau khi lắp xong ngư lôi và kiểm tra chuẩn các thông số kỹ thuật, 3 tàu được lệnh về Cửa Vạn chờ lệnh. Tại đây, hàng ngàn đồng chí Hùng thường xuyên

kiểm tra khí nén và máy lái hướng của ngư lôi. Để bảo đảm ngư lôi sẵn sàng chiến đấu cao, đồng chí Hùng đã đề nghị và được Bộ Tư lệnh Hải quân nhất trí cho lắp máy nén khí cơ động lên tàu 529 để bổ sung thường xuyên được khí cho ngư lôi mà không cần phải đưa tàu về trạm. Đồng chí Hùng trực tiếp hướng dẫn bộ đội vận hành máy nén khí và kiểm tra khí nén. Ngày cũng như đêm, đồng chí Trương Thế Hùng liên tục có mặt ở 3 tàu để làm công tác bảo đảm ngư lôi chiến đấu. Bởi chỉ cần một sơ suất nhỏ là các bộ phận của ngư lôi không hoạt động, hoặc khi phóng ngư lôi không ra được khỏi bệ... Vì thế đồng chí không chỉ chăm lo bảo đảm kỹ thuật cho ngư lôi, mà còn chăm lo bảo đảm đồng bộ cả hoạt động của hệ thống ống phóng ngư lôi...

Tối mùng 1-8-1964, 3 tàu được lệnh cơ động về Hồng Gai, cán bộ kỹ thuật Phóng Quân giới, Trạm sửa chữa ngư lôi và đồng chí Trương Thế Hùng kiểm tra toàn bộ công tác kỹ thuật lần cuối, sau đó tàu cơ động vào Lạch Trường, Thanh Hóa. Đi trên tàu 333 có đại úy Lê Duy Khoái, Đoàn trưởng đoàn 135 trực tiếp chỉ huy trận đánh; trung úy Nguyễn Xuân Bột, Phân đội trưởng Phân đội 3, kiêm thuyền trưởng và các cán bộ kỹ thuật tăng cường cho phân đội, trong đó có chuẩn úy Nguyễn Thái Nguyên, Nghiệp vụ trưởng ngư lôi của đoàn 135. Cán bộ chỉ huy, cán bộ kỹ thuật và đồng chí nghiệp vụ trưởng ngư lôi cùng cán bộ, chiến sĩ 3 tàu đều tin tưởng vào công tác bảo đảm kỹ thuật của trạm lắp ráp, sửa chữa ngư lôi và của đồng chí Trương Thế Hùng.

Chiều mùng 2-8-1964, 3 tàu 333, 336, 339 của Phân đội 3 đã xuất kích đánh đuổi được tàu Ma-đốc ra khỏi vùng biển của ta, bắn rơi 1 máy bay, bắn bị thương 1 chiếc khác trên vùng biển Thanh Hóa. Kết thúc trận đánh ngày 2-8-1964, Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân đánh giá: Công tác kỹ thuật đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cho 100% các tàu sẵn sàng chiến đấu và xuất kích đánh địch. Đặc biệt là công tác bảo đảm ngư lôi chiến đấu.

Bản hùng ca trên biển

40 năm sau "Sự kiện vịnh Bắc Bộ", chúng tôi đã gặp gỡ các nhân chứng của sự kiện này để trả lời cho câu hỏi: Vì sao hải quân nhân dân Việt Nam với trang bị còn thô sơ, nhưng đã đánh thắng chiến hạm và máy bay Mỹ hiện đại gặp nhiều lần?

Còn một tàu vẫn tiến công
(Hỏi chuyện Đại tá Nguyễn Xuân Bột, nguyên Phân đội trưởng phân đội 3 kiêm thuyền trưởng tàu 333, tiểu đoàn tàu phóng ngư lôi 135. Ông Bột nay đã 74 tuổi, về hưu ở xã Yên Bằng-Y Yên- Nam Định).

PV: - Thưa ông, phân đội 3 hỏi ấy có bị bất ngờ trước "Sự kiện vịnh Bắc Bộ"?

Ông Nguyễn Xuân Bột: Hoàn toàn không! Sự thật thì từ đêm 31-7-1964, tàu khu trục Maddox đã xâm phạm vùng biển Quảng Bình, sau đó tiến ra phía bắc, điều tra các mạng lưới bỏ phòng của ta ở khu vực Đèo Ngang, Hòn Mê, Lạch Trường... Tất cả các hoạt động đó đều bị các đơn vị ra-đa, quan sát của ta theo dõi chặt chẽ và báo về cấp trên kịp thời.

Trước đó nữa, tháng 6-1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Các lực lượng vũ trang trên miền bắc phải sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết tiêu diệt địch nếu chúng xâm phạm miền bắc". Thực hiện chỉ thị đó, quân chủng Hải quân chuyển sang trạng thái thời chiến từ ngày 6-7-1964. Riêng các tàu phóng lôi luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao.

- Và khi có lệnh, phân đội 3 lên đường ngay?

- 10 giờ đêm ngày 1-8, phân đội tôi lắp ngư lôi xong, gần 1 giờ sáng ngày 2-8 được lệnh rời cảng Vạn Hoa hành quân vào Hòn Nẹ (Thanh Hóa), sau đó tiếp tục tiến vào Hòn Mê. Đêm ấy động giờ, gió rất to nên mãi 12 giờ 30 phút ngày 2-8, phân đội mới đến được Hòn Mê và thả neo, nguy trang tàu ở khu tây bắc đảo, đợi lệnh. 14 giờ, chúng tôi phát hiện một tàu màu trắng rất to ở nam Hòn Mê. Anh Dương Quang Công, kỹ thuật viên ra-đa báo cáo đó chính là tàu Maddox mang số hiệu 731. Ít phút sau, Sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tư lệnh Hải quân (đóng ở sông Gianh - Quảng Bình) lệnh cho phân đội 3 xuất kích.

- Thưa ông, theo nguyên tắc chiến thuật, muốn đánh khu trục hạm như Maddox, tàu phóng lôi phải nằm trong đội hình của nhiều loại tàu khác như tàu tên lửa, tàu pháo...

- Đúng thế, hoặc phải có ít nhất 12 chiếc phóng lôi. Tàu phóng lôi của chúng tôi hồi đó còn thô sơ, dài 20m, rộng 3,4m và lắp 2 quả ngư lôi nặng 1 tấn, có 1 bệ pháo 14,5mm hai nòng. Trong khi đó, tàu Maddox hiện đại.⁽¹⁾

Thế nhưng đất nước mình lúc đó còn nghèo nên không thể đòi hỏi gì hơn. Chúng tôi là người lính, điều quan trọng là phải dám đánh, quyết đánh và đánh thắng địch.

- Vì thế cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt?

- Khi phát hiện ba tàu phóng lôi của ta, tàu Maddox tháo chạy về cửa Ba Lạt (Nam Định). Tôi ra lệnh: bám tàu địch, ép nó vào bờ, ra-đa mở sóng bắt mục tiêu. Khi chúng tôi cách Maddox chừng 6 hải lý, pháo trên tàu địch bắn dữ dội vào đội hình phân đội. Cùng lúc, trên bầu trời 5 máy bay địch liên tục quần thảo và bắn rốc-két. Tàu 339 bị vỡ ống thoát hơi máy trái, tàu 336

cũng bị trúng đạn, thuyền trưởng Phạm Văn Tự hy sinh. Hai tàu đó buộc phải thả trôi, vừa tập trung dập lửa, sửa chữa hỏng hóc trên tàu vừa ngoan cường đánh trả máy bay địch bằng súng 14,5mm và trung liên.

Đội hình bị chia cắt, mũ công tác của tôi bị đứt dây nên không liên lạc được với trên và đội hình chiến đấu. Pháo địch vẫn bắn dữ dội, tàu 333 bị chúng bắn vỡ quả ngư lôi trái, khói bốc lên mù mịt. Tôi ra lệnh giạt nó xuống biển, đồng thời nghiêng răng đe lái (lúc này tàu bị lệch do chỉ còn một quả ngư lôi bên phải), đồng thời tăng tốc độ 52 hải lý/giờ. Khi cách tàu Maddox 6 liên (1 liên bằng 0,1 hải lý), tiếp cận được mạn phải tàu địch ở góc 80 độ chúng tôi xông vào vừa bắn quét mạn tàu vừa phóng ngư lôi. Quả ngư lôi rẽ sóng chạy trên mặt nước như con cá kình rồi phát nổ ngay mũi tàu địch, khói bốc lên mù mịt. Đồng chí Đạt, chiến sĩ ngư lôi hô to: "Nó trúng ngư lôi của tôi rồi". Toán bộ càn bộ, chiến sĩ trên tàu đều nhảy lên reo mừng.

Sau khi ra khỏi tầm bắn của Maddox chúng tôi đang thay nóng pháo 14,5mm thì bị máy bay địch tấn công. Tàu bị một loạt rốc-két trúng vào mạn trái. Mặc, cán bộ, chiến sĩ trên tàu vừa sửa chữa vừa đánh trả cho đến khi chúng rút chạy. Nhà nhem tối, chúng tôi đi tìm hai tàu còn lại. Gặp được tàu 336 lúc này bị thủng và vỡ ba két dầu, chúng tôi kéo về Sầm Sơn lúc 12 giờ đêm. Con tàu 339 tự về Hòn Nẹ. (Tài liệu của BTL Hải quân: Trong trận này, phân đội 3 đã bắn cháy 1 máy bay, bắn bị thương một chiếc khác. Tàu Maddox bị trúng đạn buộc phải rút chạy ra xa).

(1) Theo tư liệu của BTL Hải quân: Tàu Maddox hạ thủy năm 1944, dài 144, 8m, rộng 12, 4m, tốc độ 33-35 hải lý/giờ. Quân số trên tàu 274 người. Trang bị vũ khí: ba bệ 122mm/2 nòng, hai bệ phòng bom, hai giàn phóng ngư lôi chống ngầm. Ngoài ra trên mặt boong còn có nhiều bệ pháo 20mm vừa bắn đối không, vừa bắn đối hải...).

Cho tôi nhìn Tổ quốc lần cuối
(Chuyện kể của Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Hoàng Kim Nông, nguyên chiến sĩ tàu 187, phân đội 7, khu tuần phòng 2)

- Như bác Bội đã nói, hải quân ta lúc đó còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Cài thiếu nhất là kinh nghiệm đánh máy bay Mỹ. Song chúng tôi không bị bất ngờ. Anh em chuẩn bị rất khẩn trương, miệt mài huấn luyện bắn máy bay, đánh tàu chiến Mỹ. Có thể nói, tất cả đã sẵn sàng, chờ địch tới là đánh. Lúc nấy, tôi nhập ngũ mới được một năm, là chiến sĩ tiếp đạn của tàu 187.

Trong những ngày đầu tháng 8-1964, tàu chúng tôi được lệnh tuần tiễu trên biển từ Quảng Bình ra Côn Cỏ. Ngày 5-8, tàu được lệnh về nam Hòn Ngư và neo tại đó ăn cơm trưa xong, đang thiu thiu ngủ thì có lệnh báo động. Khi chúng tôi ra đến vị trí thì vừa lúc máy bay địch bổ nhào. Cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt không cần sức đã diễn ra: Một chiếc tàu lẻ loi trên biển chống chọi với sáu máy bay địch suốt mấy tiếng đồng hồ liền. Nhưng không những tàu của chúng ta vẫn tồn tại, mà còn bắn cháy một máy bay, làm bị thương một chiếc khác.

40 năm đã trôi qua, đến bây giờ mỗi khi nhớ lại tôi vẫn rất xúc động trước những gương chiến đấu dũng cảm, ngoan cường của đồng đội tôi. Họ hiến dâng cả đời mình cho Tổ quốc không chút do dự. Thiếu úy thuyền trưởng Lê Văn Tiểu điều khiển tàu rất cơ động và linh hoạt để tránh bom đạn địch. Một quả rốc-két nổ trúng đài chỉ huy, một số đồng chí hy sinh, riêng anh Tiểu bị một mảnh bom cắt gần đứt cánh tay. Rất bình tĩnh, anh lệnh cho đồng chí Miền bảo vệ cất phần còn lại cho khỏi vướng để tiếp tục chỉ huy tàu chiến đấu.

Tôi nhớ mãi hình ảnh thiếu úy, chính trị viên Đoàn Bá Kỳ. Anh chạy như con thoi đến từng vị trí dưới làn đạn 20mm từ máy bay địch xả xuống để động viên bộ đội, băng bó cho anh em bị

thương. Một viên đạn găm vào người anh, anh đổ ụp xuống. Tôi vội chạy lại ôm chầm lấy anh. Anh cố gượng dậy, ghé vào tai tôi thều thào: "Hãy bình tĩnh chiến đấu" rồi tắt thở. Anh Kỳ người miền nam, đẹp trai, hát hay, vui tính, gần gũi và cởi mở, chúng tôi xem anh như người anh cả của tàu.

Chính trị viên hy sinh, thuyền trưởng bị thương nặng, nhưng cán bộ, chiến sĩ trên tàu vẫn gan góc bám vị trí chiến đấu đánh máy bay địch. Một loạt đạn trúng khoang máy, đường ống dầu bị vỡ bốc cháy mù mịt. Bất chấp nguy hiểm, thượng sĩ Cao Viết Thảo nhảy vào giữa khoang máy dùng bình cứu hỏa dập lửa, bịt rò đường ống bị vỡ, mặc cho quần áo bốc cháy như bó đuốc. Tiếp đó, tôi chỉ kịp nhìn thấy một tia chớp sáng chói và một tiếng nổ rất đanh hắt tôi vào bệ pháo. Tôi ngất lịm, lúc tỉnh dậy thấy quần áo rách tả tơi, khắp người chỗ nào cũng có máu. Trước mặt tôi anh Bằng, anh Thuật đã hy sinh, anh Bê và Hy bị thương nặng, máu ra đầm đìa. Anh Thiệp, pháo thủ 20mm đang ôm ghì lấy súng, một tay bóp cò, một tay bịt trán mà máu vẫn trào ra đầm đìa. Trên đài chỉ huy, đồng chí lái tàu cũng bị thương ngã xuống, tàu trống rảnh. Bằng bó vết thương cho các anh xong, tôi cố leo lên nắm tay lái. Mặc dù máu ra nhiều, mắt hoa lên nhưng tôi vẫn ghì chặt tay lái, điều khiển tàu tránh đạn theo lệnh của thuyền trưởng...

Anh hỏi, hình ảnh nào in đậm nhất trong tôi ư? Tôi nhớ đồng chí Nguyễn Thanh Hải, chiến sĩ ra-đa quê ở Thanh Hóa, cùng với tôi tiếp đạn cho vị trí pháo số 3. Lúc quả rốc-két nổ trên bệ pháo, anh bị một mảnh cắm vào đầu. Khi tôi băng bó cho anh, anh cầm tay tôi hỏi: "Nông ơi, máy có việc gì không?". Khi tàu cập cảng, anh gọi anh em tôi lại nói: "Dừng tôi dậy để cho tôi nhìn Tổ quốc lần cuối". Anh em tôi xúm lại, dựng anh lên. Anh nhìn chúng tôi khắp lượt, nhìn trời nhìn đất rồi từ từ khép mắt. Không ai trong chúng tôi có thể cầm được nước mắt.

Sau này, tôi chuyển sang trung đoàn 126 đặc công Hải quân và được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tại chiến trường Cửa Việt. Hiện nay tôi đã về hưu và là Ủy viên BCH Hội cựu chiến binh TP Hồ Chí Minh. Mãi mãi những tấm gương chiến đấu hy sinh của đồng đội luôn ở bên tôi, giúp tôi vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

"Nếu tàu cụ Bọt được trang bị như hiện nay, Maddox đã đi đời rồi"
(Phòng văn thiếu tá Trần Đức Cảnh, hải đội trưởng Hải đội 135, đoàn M70 Hải quân)

- Anh Cảnh này, lớp cán bộ, chiến sĩ hiện nay kế thừa như thế nào truyền thống hào hùng của cha anh ta?

- Chúng tôi luôn giáo dục truyền thống cho bộ đội bằng nhiều phương pháp: diễn đàn, mạn đàm, mời các cựu chiến binh của đoàn về nói chuyện. Tháng 4 vừa rồi, cụ Bọt có đến đơn vị kể chuyện đánh tàu Maddox. Anh em rất tự hào vì lịch sử 135 được viết bởi những con người mưu trí, dũng cảm như cụ Bọt.

- So với tàu cụ Bọt, tàu của các anh hiện nay được trang bị như thế nào?

- Tàu cụ Bọt ngày xưa nhỏ, chỉ có hai ống, ngư lôi phải trúng thân tàu mới tiêu diệt được mục tiêu. Tàu chúng tôi bây giờ hiện đại hơn nhiều, ngư lôi đánh dưới ngầm, cách thân tàu 5m đã nổ, tạo ra sóng xung kích lớn làm gãy đôi thân tàu. Hơn nữa, ngư lôi ngày xưa bắn thẳng, còn hiện nay ngư lôi tự dẫn thụ động âm thanh. Nếu tàu cụ Bọt được trang bị như hiện nay, Maddox đã bị tiêu diệt!

- Vậy anh thấy các cụ ngày xưa có "liều" không?

- Về nguyên tắc chiến thuật, để đánh được khu trục hạm như Maddox, phải có một nhóm tiên công quy mô lớn hơn hải đội: biên đội tàu tên lửa, biên đội tàu phóng lôi, biên đội tàu pháo. Về chức năng, tàu ngư lôi chỉ có nhiệm vụ đánh bồi tiêu diệt khi tàu đối phương đã bị trọng

thương.

Nhưng trong điều kiện hồi đó chúng ta chưa có tầu tên lửa nên buộc phải chọn cách đánh như vậy. Một điểm nữa trong nguyên tắc đánh của tầu phóng lôi là phải tấn công nhiều hướng, nhiều mặt, nhưng do đặc điểm của địa hình Việt Nam nên đôi lúc chỉ cần hai tầu là tiêu diệt được địch.

Chính vì thế, bài học đánh tầu Maddox và máy bay Mỹ cũng là bài học chung của Hải quân nhân dân Việt Nam: Lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều, là dám đánh, quyết đánh và đánh thắng kẻ địch, kể cả trong chiến tranh công nghệ cao.

- Với những tầu được trang bị vũ khí hiện đại như hiện nay, chắc có lẽ chiến sĩ nghĩa vụ quân sự vừa mới nắm được tính năng tác dụng của nó thì đã ra quân?

- Chiến sĩ của chúng tôi trước khi về đơn vị được học sơ cấp chuyên môn kỹ thuật 6 tháng theo từng chuyên ngành. Sau đó về tầu được huấn luyện ban đầu (K0), huấn luyện chuyên ngành (K1), huấn luyện hiệp đồng chiến đấu (K2). Khoảng 5 tháng như vậy rồi họ mới được biên chế chính thức và làm được việc. Chính được huấn luyện kỹ nên hải đội tôi chưa có xảy ra sự cố gì trong tập luyện thực hành, vừa rồi bắn đạn thật đạt loại giỏi.

- Nếu bây giờ có lệnh, bao nhiêu tầu của anh lên đường được?

- Tất cả xuất phát ngay theo đúng thời gian quy định!

- Xin cảm ơn cụ Bột, bác Nông, anh Hải đã trả lời phỏng vấn.

HÔNG SƠN (thực hiện)
Theo **Quân đội nhân dân**

Công tác đào tạo ở Trường sĩ quan Đặc công: Từ những điều bình thường tạo nên sự "đặc biệt tinh nhuệ"

Ngày 23 tháng 08 năm 2004

Trường sĩ quan Đặc công đã có chặng đường gần 40 năm phát triển và trưởng thành. Hiện nay nhà trường đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo cho các đối tượng cả bậc đại học, trung học và nhân viên sơ cấp. Ngoài ra trường còn huấn luyện một số đối tượng an ninh theo yêu cầu. Đặc điểm xuyên suốt trong quá trình đào tạo học viên của nhà trường chính là sự rèn luyện ở cường độ cao, khối lượng nặng và khả năng bền bỉ.

Học viên sĩ quan đặc công phải chịu mức độ rèn luyện liên tục, huấn luyện nhiều về ban đêm, địa bàn, bãi tập phức tạp... vì vậy đòi hỏi đầu tiên với mỗi người là phải có sức khỏe dẻo dai và lòng kiên trì, dũng cảm. Ngoài yêu cầu khắt khe khi tuyển chọn đầu vào, trong thời gian theo học tại trường, kế hoạch rèn thể lực cá nhân chính khóa và dự khóa đều được coi trọng. Trên các đường chạy, các bãi tập thể lực, dù trời mưa hay nắng, buổi sáng hay buổi chiều, luôn có mặt rất đông học viên. Nhà trường cũng tích cực đầu tư xây dựng nhiều bãi tập tiêu chuẩn, sát với điều kiện thực tế cho học viên rèn luyện. Với mỗi đối tượng (đặc công bộ, đặc công nước, biệt động), chương trình "rèn ở thực địa" vô cùng khắt khe. Chẳng hạn, khi huấn luyện đặc công bộ trong khoa mục nguy trang, người học phải làm đúng kỹ thuật về bơi trát, "hòa quyện với thiên nhiên" khi mưa, lúc nắng... để giữ bí mật. Trong khi đó, học viên của lực lượng đặc công nước phải thường xuyên ngâm mình dưới nước từ 5 đến 6 giờ ngay cả vào mùa đông, nhiệt độ chỉ 8 đến 10 độ để khi ra trường, các sĩ quan có thể bơi, thả trôi dưới biển...

Một yêu cầu rèn luyện đặc biệt nữa ở trường là khả năng xử trí các tình huống. Có thể chỉ với vài gói mì tôm, một ít gạo rang, các học viên phải tìm cách sống dưới lòng đất (hầm, hào), sống trong rừng núi hàng tuần lễ. Đói, rét, gian khổ sẽ tôi luyện, giúp cho họ tích lũy phản xạ đặc biệt có ở trong người. Tôi gặp thượng sĩ Triệu Kim, học viên năm thứ tư, khóa 24, hệ đại học, khi anh vừa hoàn thành bài tập giấu mình dưới hồ nước với một bọc ni lon buộc chặt, nặng hàng chục ki-lô-gam vũ khí. Anh đang tập tình huống lặn tiêu diệt tàu địch bằng phương pháp gắn mìn hẹn giờ. Trả lời câu hỏi của tôi, Kim khẽ nhướn miệng cười: "Năm đầu, em thấy vất vả, nhưng giờ thì đã quen rồi..."

Tôi quan sát thấy bất cứ học viên nào cũng có chiếc túi thủ pháo làm "của riêng". Trong đó là những chiếc móc sắt hình chữ S, ghim chữ U, lạt tre, thun sắt, ống nhựa... tự tạo, thu lượm ngay từ cuộc sống hàng ngày. Nhiều sáng kiến, kinh nghiệm sống đã trở thành những bài học huấn luyện không thể thiếu với bộ đội đặc công. Chính từ những bài học nghiêm túc, sự rèn luyện khắt khe đó đã tôi luyện nên những cán bộ, chiến sĩ đặc công tinh thông nghề nghiệp, sẵn sàng nhận và hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào khi quân đội và nhân dân giao cho...

Khép dần vòng cung căn cứ quân sự

Ngày 28 tháng 08 năm 2004

Theo các nhà quan sát và nghiên cứu quân sự trên thế giới thì hiện nay Mỹ đang thực hiện một kế hoạch khép kín dần "vòng cung căn cứ quân sự" ở phía Tây Thái Bình Dương. Mượn danh nghĩa "chống khủng bố", Mỹ đang ngày càng hiện diện rõ dần tại khu vực Đông Nam Á. Những năm gần đây, Mỹ đã ký được một số hiệp ước có liên quan với các nước Xin-ga-po, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Bru-nây, Ô-xtrây-li-a. Tại Xin-ga-po, Mỹ đã và đang mở rộng căn cứ hải quân Changi. Ở Thái Lan, Mỹ thuê căn cứ Sát-ta-híp, U-ta-pao và đã tiến hành xây dựng công trình huấn luyện hải-không quân. Còn tại Phi-líp-pin, cửa cảng Xu-bích đã mở cho tàu chiến của Mỹ vào sửa chữa và Mỹ cũng đã chi 333 triệu đô-la để xây dựng một quân cảng ở Bắc Xu-ma-tra. Tại Ô-xtrây-li-a, Mỹ đã xây dựng một căn cứ, dự định sẽ di chuyển số lính hải quân đánh bộ cắt giảm từ Nhật Bản sang đây. Ngoài những vị trí trên Mỹ đang còn muốn thuê căn cứ hải quân Lu-mút của Ma-lai-xi-a và quần đảo Na-tu-ma trong Vịnh Thái Lan để xây dựng các căn cứ hải quân nổi trên biển và căn cứ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho lực lượng đóng trong khu vực. Khi tất cả những căn cứ trên được hoàn chỉnh, thì trên bản đồ quân sự của Mỹ sẽ hiện diện một vòng cung căn cứ quân sự kéo dọc theo Tây Thái Bình Dương và lục địa châu Á. Từ các căn cứ quân sự này Mỹ có thể triển khai quân để thực hiện các ý đồ chiến lược của mình mà Mỹ vẫn gọi là "chống khủng bố"...



Nguyễn Văn Táng

Cảnh giác với máy nghe trộm là ĐTDĐ

Ngày 10 tháng 10 năm 2004

Cho dù bạn đã tắt máy điện thoại di động (ĐTDĐ) mang theo nhưng chưa chắc đã tuyệt đối an toàn. Các chuyên gia nắm trong tay những máy móc đặc biệt vẫn có thể điều khiển từ xa để ĐTDĐ của bạn mở máy. Còn có loại ĐTDĐ "có tinh phản trặc" trong quá trình chế tạo đã "cấy" thêm vào bảng mạch bên trong một chức năng đặc biệt là nếu có pin trong máy thì thu được mọi cuộc nói chuyện của bạn và tự động phát lên vệ tinh cho tất cả những ai hào hứng muốn nghe. Nên bạn để ĐTDĐ bên người là xin thôi, đừng nói tới giữ bí mật nữa.

Tất cả các loại ĐTDĐ bạn sử dụng hiện nay thì mỗi một cuộc đàm thoại trên máy đều có thể bị nghe trộm: Ngay từ năm 2000 một báo cáo của EU đã vạch ra rằng cơ quan an ninh Quốc gia Mỹ đã thành lập một hệ thống mạng lưới giám sát điện tử toàn cầu để thu trộm tình báo của các nước trên thế giới đã thiết lập ở Ca-na-đa, Niu Di-lân và Ô-xtrây-li-a với hàng chục máy thu cực nhạy ở mặt đất cùng với 120 vệ tinh để thu thập thông tin từ vệ tinh. Toàn hệ thống có 2 trung tâm số liệu đặt tại Mỹ và Anh, sẵn lòng tin tức truyền tải trên các phương tiện thông tin như điện thoại, ĐTDĐ, máy Fax, máy tính trên toàn cầu.

Người sử dụng ĐTDĐ, nhất là những người giữ trọng trách của cơ quan, đơn vị, công ty, kể cả quốc gia nên luôn luôn nhớ câu nói của một cố vấn An ninh quốc gia Mỹ, đó là: Qua ĐTDĐ nhiều bí mật trên thế giới đã lọt vào ống nghe của các chuyên gia ngôn ngữ học thuộc cơ quan an ninh quốc gia Mỹ.

Những tư liệu nghiên cứu liên quan cũng nêu rõ các cuộc đàm thoại trên ĐTDĐ rất dễ bị nghe trộm và chuyển lên vệ tinh, từ đó làm lộ các tin tức quan trọng. Chiếc máy ĐTDĐ nhỏ xíu nhưng lại liên quan tới một vấn đề lớn của an ninh quốc gia. Thời đại tin học thì việc giữ bí mật tin tức trên các lĩnh vực lại càng nảy sinh nhiều vấn đề. Điều này đòi hỏi mọi người phải luôn cảnh giác.

 TOP

Ngọc Thảo

Tinh báo Việt Nam và những câu chuyện lạ

Ngày 22 tháng 10 năm 2005

Hoạt động tình báo đã xuất hiện từ thuở xa xưa nhằm phục vụ cho các cuộc chiến tranh. Càng về sau này, hoạt động tình báo càng được mở rộng và tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó hoạt động tình báo để phục vụ quốc phòng, phục vụ chiến tranh là một mảng nhiệm vụ quan trọng đối với mỗi quốc gia. Các tổ chức tình báo nổi tiếng trên thế giới hiện nay được tổ chức chặt chẽ, hoạt động tuy lạng lẽ, nhưng vô cùng gay go, quyết liệt.

Ở nước ta, ngành tình báo quốc phòng ra đời khá sớm và đã có những đóng góp không nhỏ vào thắng lợi của các cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Thực tế cho thấy hoạt động tình báo hàm chứa tinh nghệ thuật quân sự cao, với những tư duy độc lập và sâu sắc. Trong suốt 60 năm xây dựng và trưởng thành của ngành tình báo quốc phòng Việt Nam đã xuất hiện nhiều câu chuyện kỳ thú, thể hiện rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất cao đẹp, trí thông minh kiệt xuất của các chiến sĩ tình báo Việt Nam khi đối mặt với kẻ thù. Chúng tôi xin gửi đến bạn đọc một số câu chuyện do các chiến sĩ tình báo kể lại.

Hai phát súng giải vây

"...Ngày mồng ba Tết Mậu Thân (1968), một số chiến sĩ biệt động của ta đã tấn công Dinh Độc Lập và rút ra cổ thủ trong một căn nhà cạnh Dinh. Tôi khi ấy là cụm trưởng cụm tình báo quân sự H.63 đang trú trong nhà cụ Nguyễn Đông Phong (một cán cứ cách mạng của ta). Bọn địch bủa vây rào riết nhưng cũng không tên nào dám xung phong vào ngôi nhà. Tôi biết là nhóm biệt động của ta đã lâm vào thế nguy hiểm, bởi anh em chỉ dám bắn trả từng phát một để tiết kiệm đạn. Từ vị trí nấp, tôi thấy ở ngôi nhà đối diện với nơi mà anh em đang cố thủ, bọn sĩ quan Mỹ-ngụy đang hò hét, đốc thúc quan lính xông vào ngôi nhà. Tôi nghĩ bây giờ chỉ có cách làm cho đối hình địch bị xáo trộn thì anh em mới có thể thoát được. Mặc dù tôi cũng biết việc nổ súng đòi hỏi một chiến sĩ tình báo cần phải cân nhắc thật thận trọng, bởi nếu bị lộ thì rất có thể cả một cụm theo theo tay công gay đứng sẽ chộp nắm trời sẽ một tác dụng. Sau khi phân tích kỹ, tôi rút súng ra nhắm vào hai tên sĩ quan Mỹ, bắn liên hai phát và rút về nơi ẩn nấp. Hai phát súng này đã hiệu quả hết tên sĩ quan Mỹ. Tôi nghe tiếng họ hét, muốn xông thẳng chận chặt trên mái nhà ngay sát đầu mình. Nhưng lúc này trời đã tối, nên bọn địch không thể nhìn thấy ngay được. Đến sáng hôm sau, tôi ngao sang bên ngôi nhà ở tầng, nói anh em biết đồng cổ thủ thì máu bên đó đã im ắng, chứng tỏ anh em đã thoát ra được ta chặn lại qua. Khi mà chỉ huy của địch đang hồn loạn. Nhưng cũng đúng lúc ấy, bọn địch ào vào ngôi nhà nơi tôi đang trú ẩn. Mất may cổ con dai của bác Phong (cụm trưởng) bị một điệp viên của ta đã ứng xử rất tài tình, nên bọn địch chỉ khám xét qua loa và rút đi. Sau này lưới điệp báo của chúng tôi còn nhiều hoạt động khác nữa cho đến tận ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

"Bà Ba rình hán"

Bà là cách gọi trêu mếu mà sau này đồng đội vẫn gọi bà Nguyễn Thu Ba, nữ điệp báo, nữ Anh hùng LLVT nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Năm 1961, sau quãng thời gian dài làm liên lạc cho một đường dây hoạt động trong lòng địch, bà Ba chính thức được chọn làm liên lạc cho nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn. Cũng bắt đầu từ đây, cuộc đời của bà gắn liền với những chuyến đi đầy bất trắc. Thế nhưng nhờ vào sự thông minh, linh hoạt, sự dũng cảm, gan da vốn tiềm ẩn trong bà mà hàng trăm tài liệu mật đã được bà chuyển an toàn đến nơi quy định, bà kể: "Thời đó tôi phải chịu mạo hiểm bỏ chồng, bỏ con đi lầu chầu khác để hoạt động. Thế nhưng lúc đó

thực tình là tôi phải vờ đi ở cho người ta để vừa có một chỗ ở hợp pháp, vừa kiếm sống, nhưng điều quan trọng nhất là để bề che giấu thân phận của mình. Gia đình mà tôi ở có một người tham gia biệt động quân, nên quân địch không mấy may nghi ngờ. Cũng vì thế mà tôi mạnh dạn lập hợp thư liên lạc ở tại đây. Mỗi tháng tôi và ông Ân gặp nhau ba, bốn lần để nhận tài liệu từ ông ấy. Những khi tình huống cấp bách thì việc gặp gỡ phải đến năm, sáu lần. Khi đi nhận tài liệu, tôi thường giả làm người buôn bán lật vật, lúc thì mớ rau, khi thì bán hàng xén để dễ trà trộn với người dân xung quanh. Tài liệu nếu là những cuộn phim thì được ông Ân cuộn lại rất nhỏ, cất giấu vào những bánh xà bông, hoặc gói lẩn vào những gói nem, cũng có thể là gói mì, gói bánh. Khi gặp tôi thì lựa thời cơ quẳng vào thùng hàng rồi cho xe chạy ngay. Cũng có lần ông đưa cho tôi một cục giấy xi măng, tôi giờ ra chẳng thấy có gì, lại cứ tưởng là ông ấy đưa nhầm, nhưng vốn tính cẩn thận tôi vẫn đem cục giấy ấy về giao cho cơ sở. Sau này tôi mới biết, ông ấy viết những điều cần liên lạc vào đáy bằng loại mực không màu..."

Hủy hồ sơ mật của địch

Trong "làng" tình báo quốc phòng Việt Nam, hẳn nhiều người còn nhớ nhà tình báo anh hùng Lê Hữu Thụ. Ông là một con người kỳ lạ, lập công ngay cả khi bị quân địch cầm tù. Đó là vào thời điểm mà anh em nhà họ Ngô (Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu) sắp sửa bị diệt theo một âm mưu của Mỹ, ông bị Ngô Đình Cẩn bắt giam tại Huế. Ông hiểu rằng nếu Cẩn bị diệt thì kho hồ sơ của hẳn chắc chắn sẽ lọt vào tay bọn đảo chính và như vậy gần 100 cán bộ tình báo của ta (một số đang bị cầm tù) nằm trong đồng hồ sơ kia cũng sẽ rất nguy hiểm. Nếu hủy được đồng hồ sơ này thì anh em của mình chắc sẽ thoát tù và có thể tiếp tục hoạt động an toàn. Sau khi tính toán kỹ lưỡng, ông tìm cách tiếp cận Lê Văn Dư, Trưởng ty Công an Thừa Thiên-Huế, Giám đốc trại giam. Tên này đang trong tâm trạng lo sợ, thường ở lại trong khu quân sự tập trung của Ngô Đình Cẩn. Khi nhận được tin Ngô Đình Diệm bị bắn ở Sài Gòn, ông nhận thấy đây là thời cơ để thủ tiêu đồng hồ sơ nói trên. Nhưng làm thế nào để đưa toàn bộ hồ sơ ra ngoài để đốt là một việc rất khó. Nhân lúc Dư có điện thoại phải đi nghe, ông vào văn phòng nói với bọn bảo vệ: "Ông Dư ra lệnh hủy ngay toàn bộ hồ sơ tù". Bọn bảo vệ không chút nghi ngờ, liền giúp ông lôi hết số hồ sơ ra sân và phòng tắm xăng đốt sạch. Nhìn ngọn lửa đang thiêu hủy chứng cứ buộc tội đồng đội mình, ông thấy lòng khoan khoái lạ thường.

(Ghi theo lời kể của bác Nguyễn Văn Tào, Nguyễn Thị Ba)

Thành lập Trung đoàn không quân tiêm kích đầu tiên

Ngày 25 tháng 10 năm 2004

Ngày 3-2-1964, đúng vào kỷ niệm 34 năm ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam, trung đoàn không quân 921 được thành lập. Để có được ngày đó, từ những năm trước, với tầm nhìn xa, trông rộng của Đảng, của Bác Hồ, những chiến sĩ không quân đầu tiên đã được cử đi học lái máy bay chiến đấu.

Tháng 3-1956, cùng với các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay được cử đi học tập ở các nước, đoàn học lái máy bay tiêm kích có 50 đồng chí, do đồng chí Phạm Dũng làm trưởng đoàn được cử sang học tập tại Trung Quốc. Sau do yêu cầu nhiệm vụ, đồng chí Đào Đình Luyện được điều về thay đồng chí Phạm Dũng. Đến tháng 3-1963, trải qua 7 năm học tập, rèn luyện, vượt qua mọi khó khăn, lớp phi công tiêm kích chiến đấu đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam đã cơ bản hoàn thành các khoa mục, bài học bay cơ bản loại máy bay MIG-17.

Liên Xô và Trung Quốc trang bị cho ta máy bay MIG-15 và MIG-17. Cuối tháng 3-1963, các máy bay đã lắp ráp xong, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ. Ngày 12-4-1963, đại tá Đặng Tĩnh, Cục trưởng Cục Không quân ký công văn giao cho đoàn 32 chiếc máy bay chiến đấu kiểu MIG-17, 4 chiếc máy bay kiểu MIG-15, 42 xe đặc chủng, xe cơ động và 8 rơ móc thùng chứa thiết bị kèm theo.

Trên sân bay Mông Tự (Vân Nam) gần với biên giới của Tổ quốc, cán bộ, phi công trung đoàn được học bay ứng dụng, bay thực hành sát hơn với thực tế. Anh em tranh thủ ngày đêm miệt mài học tập để được nhanh chóng trở về Tổ quốc. Ai cũng muốn mình có tên trong danh sách về ngày đầu, đợt đầu. Những đợt kiểm tra, khảo sát đều vượt chỉ tiêu, ai cũng biết đọc lập bay, bay rất bài bản, linh hoạt, tiên độ tốt, an toàn cao. Đến cuối năm 1962, mỗi phi công đã bay được 300 giờ trên MIG-17, bay chiến đấu biên đội 2 chiếc, 4 chiếc, bay đêm khí tượng giản đơn, bay biển... Tiêu biểu cho những đồng chí bay xuất sắc của trung đoàn là các đồng chí: Nguyễn Ngọc Độ, Lê Minh Huân, Phạm Ngọc Lan... Cán bộ, thầy giáo bạn tin tưởng nhận xét: "Chất lượng bay không hề thua kém bất kỳ bộ đội không quân nước nào".

Tình hình học tập của anh em rất tiến bộ. Máy bay, trang bị đã có, Cục không quân nghiên cứu, xem xét tình hình thực tế các công tác chuẩn bị của ta và của bạn. Cục đã làm công văn đề nghị Bộ Quốc phòng cho phép thành lập trung đoàn Không quân tiêm kích đầu tiên và được trên chấp nhận. Theo sự chỉ đạo của trên, phải bồi dưỡng đào tạo cán bộ để bảo đảm sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết, có khả năng phát triển lớn mạnh, biên chế cơ quan đơn vị hoàn chỉnh, nhất là cán bộ chỉ huy, tham mưu, chính trị, kỹ thuật, hậu cần... Mọi mặt đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Cục không quân (sau là Quân chủng Phòng không-Không quân).

5 giờ sáng ngày 31-7-1963, chuyến tàu chở cán bộ, chiến sĩ các thành phần bổ sung cho đơn vị rời ga Hà Nội lên đường, tất cả đều tập kết ở sân bay Mông Tự. Trên sân bay, anh em đang khẩn trương luyện tập, chuẩn bị cho lễ ra mắt của trung đoàn. Mọi người được nhận quân, tư trang của Quân đội nhân dân Việt Nam từ bên nước gửi sang: mũ, quần hàm, quần áo... Anh em ngắm nhìn, nâng niu sao mũ, quần hàm. Ngoài giờ bay huấn luyện, tập đội ngũ ra anh em là phảng phiu, chăm vuốt những bộ quần phục mới. Những đồng chí có huân chương, huy chương được phép đeo trong ngày vinh dự. Không khí đoàn kết thấm tình đồng chí, tình anh em tràn ngập trong đơn vị.

Đồng chí Trung đoàn trưởng Đào Đình Luyện đề nghị Hội đồng quân nhân đơn vị thảo luận, nghiên cứu đặt tên cho đơn vị, vẽ cắt ma-két phù hiệu sơn lên máy bay sao cho

phù hợp với không quân chiến đấu, đơn vị không quân tiêm kích phản lực đầu tiên. Hội đồng quân nhân và anh em đều nhất trí đề nghị lên cấp trên lấy tên trung đoàn là "Sao Đỏ", "Đoàn không quân Sao Đỏ". Phù hiệu sơn lên máy bay là quốc kỳ của Tổ quốc được cách điệu. Đề nghị trên đã được cấp trên chấp nhận. Số phi công đã có 70 đồng chí, trong đó 33 đồng chí đã bay tốt MIG-17. Các cơ quan, đơn vị, các bộ phận đã dần dần ổn định. Những ngày đầu, đồng chí trung tá Đào Đình Luyện được bổ nhiệm làm Trung đoàn trưởng, đồng chí thiếu tá Đỗ Long làm Chính ủy, đồng chí thiếu tá Trần Mạnh làm Trung đoàn phó, đồng chí Lê Văn Thọ làm Tham mưu trưởng, đồng chí Trần Doãn Tuyết làm quyền Chủ nhiệm chính trị, đồng chí đại úy Võ Duy Cư làm Tiểu đoàn trưởng kỹ thuật, đồng chí thượng úy Trần Ngọc Châu làm Tiểu đoàn phó...

8 giờ sáng ngày 3-2-1964, trên sân bóng của sân bay Mông Tụ, toàn thể cán bộ, chiến sĩ trung đoàn tập trung đầy đủ. Sau lễ chào cờ, đồng chí Thiếu tướng Trần Quý Hai, đại diện Bộ Quốc phòng, đọc quyết định thành lập trung đoàn không quân tiêm kích mang phiên hiệu 921 rồi trao lá cờ "Quyết thắng" cho trung đoàn. Trung đoàn trưởng Đào Đình Luyện, thay mặt cán bộ, chiến sĩ đơn vị, nhận lá cờ "Quyết thắng". Trung đoàn trưởng nâng cao lá cờ, hứa với Đảng, Nhà nước, nhân dân, quân đội sẽ mang lá cờ này phát cao trên bầu trời Tổ quốc, lập những chiến công vang dội trên bầu trời Tổ quốc.



Trung tá Phạm Dương Quy

Phát huy tính cơ động, hỏa lực và đột kích mạnh của không quân chiến đấu

Hàng: 31/10/2004 12:09

Ngành được thừa hưởng và ứng dụng nhanh sự phát triển của khoa học công nghệ phải nói đến không quân chiến đấu. Các nhà khoa học quân sự sớm nhận ra ưu thế của máy bay chiến đấu là: Yếu tố hỏa lực gắn liền với tính cơ động, đột kích cao, vì thế đã đầu tư rất lớn vào nghiên cứu kỹ thuật hàng không và nghệ thuật quân sự không quân.

Với một tình huống cần có hỏa lực, bất ngờ đánh địch cách xa vài trăm, thậm chí cả ngàn ki-lô-mét, không có gì lợi thế bằng việc sử dụng không quân cường kích. Tốc độ bay từ vài trăm đến hàng ngàn ki-lô-mét/giờ, máy bay chiến đấu thế hệ mới có bán kính hoạt động xa, tầm kiểm soát lớn, cơ động nhanh có thể đáp ứng được rất tốt yêu cầu của người chỉ huy trong tác chiến. Máy bay chiến đấu hoạt động được cả ngày lẫn đêm, cả trên biển và trên rừng núi, có khả năng bay thấp và rất thấp sẽ giải quyết được những yêu cầu chiến thuật một cách hiệu quả. Trong một số trường hợp, máy bay chiến đấu có phương tiện trinh sát tốt, bằng quan sát trực tiếp, bằng radar, lade... sẽ giúp chỉ huy trong cả "tìm" và "diệt" mục tiêu, giải quyết nhanh nhiệm vụ.

Cùng với tính cơ động cao, hỏa lực của máy bay chiến đấu cũng rất đa dạng, ưu việt. Từ súng bắn đạn thẳng 7,62mm, đến pháo 30 mm; Từ rốc két bắn loạt, đến tên lửa cao tốc; từ bom thông thường đến bom có điều khiển... Máy bay chiến đấu có khả năng mang, bắn, phóng, ném xuống mục tiêu độ với chính xác rất cao.

Nếu như pháo có thể bắn loạt chế áp một dãy chiến hào, thì tên lửa, rốc két có khả năng chống tăng hữu hiệu. Khi cần ngăn chặn một đợt phản kích, sử dụng bom với số lượng vừa phải có thể giải quyết được tình thế chiến trường. Có thể khẳng định hỏa lực của không quân chiến đấu rất hiệu quả, uy lực sát thương cao, khi tổ chức được nhiều phi đội tham chiến thì bội số hỏa lực, tính đột kích bất ngờ tăng rất nhanh, uy hiếp không chỉ bằng sát thương mà cả bằng tâm lý với binh sĩ đối phương.

Máy bay trực thăng chiến đấu, bay trong đội hình được bảo vệ tốt, có khả năng tiến công bộ binh hiệu quả. Thông thường trực thăng sử dụng rốc két, pháo bắn loạt tốc độ cao, tên lửa chống tăng, uy lực sát thương lớn.

Tháng 8 - 1975 bọn phản động FULRO ở Tây nguyên tập hợp khoảng 1 trung đoàn tiến công vào một tiểu đoàn bộ binh của ta tại khu vực XY. Phương án sử dụng máy bay được phê duyệt. Trung đoàn không quân ĐT đã sử dụng 10 máy bay UH-1, 5 chiếc L-19 và một chiếc U-17 xuất phát từ sân bay Cam Ly (Lâm Đồng). Trực thăng được phân công tham gia 1 hướng, máy bay UH-1 đã bắn rốc két, súng liên thanh chế áp mạnh, khiến bọn phản động dạt sang phía đơn vị bộ binh ta đang đón lõng theo phương án... Bị tấn công các hướng, bọn phản động hoảng loạn, nhiều tên bị tiêu diệt, ta bức hàng 300 tên. Trên địa bàn rừng núi khi đó việc điều động nhanh một đơn vị hỏa lực không dễ dàng. Tính cơ động và hỏa lực của máy bay được chỉ huy chiến trường phát huy cao độ, góp phần chớp thời cơ đánh thắng.

Trong tác chiến chiến dịch, máy bay có vai trò lớn trong thực hành đánh trận then chốt chắc thắng. Trong đánh phản đột kích, tiến công, đánh tiêu hao, vu hồi đều đạt hiệu suất cao. Giải quyết được vấn đề thời cơ và tình huống.

Trong chiến tranh hiện đại, không quân được trang bị loại máy bay cường kích tầm hoạt động xa. Su-27 là loại máy bay tiêm kích bom của Nga, bán kính hoạt động trên 1500km. loại cải tiến mới đây còn hoạt động xa hơn. Vũ khí mang theo lớn. uy lực sát

thương mạnh, nhờ khả năng mang, phóng chính xác.

Tính bất ngờ đột kích của máy bay tăng lên nhờ nó có thể xuất kích bí mật ở nước không liền kề, có khi ở một căn cứ xa địa bàn tham chiến., Đêm 15 tháng 4 năm 1986 không quân Mỹ sử dụng máy bay F-111 bay 9 giờ liền từ một căn cứ thuộc nước Anh, qua Địa trung hải, nhiều lần tiếp dầu, lao vào đánh Li Bi. Cuộc tập kích bất ngờ thống nhất được 3 yếu tố, cơ động- hoà lực - đột kích. Mỹ đã trút 60 tấn bom đạn xuống hai thành phố đang yên lành. Cuộc tiến công chỉ xảy ra trong 11 phút, nhằm đánh vào các mục tiêu trọng yếu.

Đã có những công trình thí nghiệm của Nga, Mỹ, Anh về việc sử dụng máy bay không người lái tác chiến trực tiếp. Máy bay không người lái cũng đạt được yếu tố cơ động, hoà lực và đột kích. Trong năm 2002-2003, một máy bay không người lái Pedator MQ-1B của liên quân đã sử dụng tên lửa Hen-phin đánh trúng một trạm truyền phát vô tuyến của Bộ thông tin I- rắc. Nga cũng đang phát triển loại máy bay này, tìm đánh căn cứ của các tổ chức phản động li khai ngay khi vừa phát hiện. Dự báo đến năm 2015 sẽ có 30 % trong tổng số máy bay không người lái của 30 nước trên thế giới có khả năng mang hoà lực đi bắn phá!

Nghiên cứu, ứng dụng, huấn luyện nghệ thuật tác chiến không quân trong chiến tranh hiện đại là cần thiết và hiệu quả. Việc mua sắm, khai thác các trang bị máy bay mới, sẽ góp phần nâng trình độ chỉ huy bay, giữ gìn, nâng cao trình độ của đội ngũ phi công, đội ngũ kỹ thuật quý hiếm trước mắt và lâu dài ./.

TRẦN DANH BẢNG

Từ bức điện một chiều

ngày 12 tháng 12 năm 2004

Ngày 23-11-1965, tin kỹ thuật của Bộ Công an cho biết: ta đã phát hiện được một bức điện một chiều được phát ra từ tổng đài Manila do Cơ quan tình báo Mỹ đánh đi.

Sau một thời gian theo dõi, công an nhân dân vũ trang Quảng Bình xác định: đây là mật mã mã tình báo địch liên lạc với một toán biệt kích ở miền tây huyện Lệ Thủy.

Ngày 10-1-1966, 4 người dân tộc Vân Kiều là các anh: Hồ Tiêu, Hồ Vọng, Hồ Cung, Hồ Roòng ở bản Da Ra, xã Phan Đình Phùng vào rừng lấy trầm về báo cho biết: Trong khi họ đang đi lấy trầm thì gặp 10 tên gián điệp, chúng bắt cả 4 người chặt cây để làm bãi đỗ cho máy bay trực thăng. Chúng hỏi mua hết số gạo đi rừng của 4 người và còn ý định mua thêm. Anh Hồ Vọng đã chỉ cho chúng đến nhà ông Bạt ở một xóm vắng trong rừng, muốn mua bao nhiêu cũng được.

Tên toán trưởng cử 4 tên biệt kích đi theo 4 người dân để đến nhà ông Bạt. Anh Hồ Vọng xung phong đi trước để dò đường. Lợi dụng sơ hở của địch, Hồ Vọng đã cắt rừng về báo cho ông Bạt biết trước và làm theo kế hoạch của anh.

Bốn tên địch đến nhà ông Bạt nhưng chỉ mua được 40 lon gạo. Ông Bạt hẹn: nếu muốn mua hàng tạ, ông sẵn sàng mua giúp nhưng ngày 13-1-1966, đồng bào mới gửi đến được. Chính trong thời gian ấy, ông Bạt đã báo cho các chiến sĩ biên phòng vạch kế hoạch đánh lừa địch đến điểm hẹn lấy gạo để bắt sống chúng.

Đúng thời gian qui định, ngày 13-1-1966, ông Bạt, ông Tô Hồ và anh Hồ Vọng, Hồ Kiều mang cơm nếp, cá, gà, rượu, thịt đến địa điểm lấy gạo mời tên toán trưởng ra ăn. Với con mắt coi thường người dân tộc, bọn địch cho rằng: chúng đã nắm được họ. Nhưng chúng không ngờ được rằng những người dân tộc Vân Kiều đó đang dắt địch làm theo ý định của các chiến sĩ biên phòng. Khi 5 tên biệt kích đang lội sông, nước đến ngang cổ thì các chiến sĩ biên phòng bất ngờ ập đến dùng võ thuật bắt gọn cả lũ.

Sau đó ta cho trình sát hóa trang thành những người mang gạo đến cho chúng để vào sào huyết đánh địch. Nhưng chưa đến nơi thì bị lộ vì nguyên nhân: tên toán phó vào rừng đốn cây phát hiện thấy đồng chí Hường đang núp dưới một bụi rậm. Hấn hoảng hốt kêu lên "Việt Cộng, Việt Cộng rồi bỏ chạy". Trước tình thế ấy đồng chí Hường buộc phải nổ súng bắn tên toán phó bị thương. Từ bốn phía các chiến sĩ biên phòng xông vào bắt địch. Một tên cầm hai tay hai súng bỏ chạy. Nhưng đến ngày 16-1-1966 thì tên gián điệp cuối cùng này đã lọt vào trận địa mai phục của ta.

Sau khi bị bắt, tên toán trưởng nói: Chúng tôi có 10 người, 20 khẩu súng trong tay mà chịu thua ông Bạt. Ông Bạt trả lời: Dân tộc Việt Nam ai cũng có thừa dũng khí để đánh thắng Mỹ và tay sai. Các ông đừng coi khinh người dân tộc.

Tạo bước ngoặt trong kháng chiến chống Mỹ

03/12/2004, 12 năm 2004

Buổi Đại tướng Văn Tiến Dũng gọi tôi vào kể cho nghe việc chuẩn bị kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 khác hơn thường lệ. Đúng giờ, khi thư ký của Đại tướng dẫn tôi bước vào phòng khách, đã thấy Đại tướng ngồi nghiêm trang. Trên bàn không thấy một cuốn sổ hay một tờ giấy nào. Đại tướng chỉ tay, bảo tôi ngồi xuống ghế, mà nét mặt vẫn cứ trầm ngâm. Nhìn nét mặt suy tư của Đại tướng, tôi lại nhớ đến không khí của đất nước hơn một phần ba thế kỷ trước.

Tháng 3 năm 1965, đế quốc Mỹ bắt đầu đổ bộ những đơn vị chiến đấu hoàn chỉnh vào miền Nam Việt Nam. Cả thế giới lo lắng cho ta. Khi đế quốc Mỹ đổ nửa triệu quân cùng các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất vào miền Nam thì vận mệnh sống còn của Tổ quốc đặt ra cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Vận mệnh đó cũng đặt lên vai của Đại tướng, người đứng đầu cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, của quân đội ta thật vô cùng nặng nề. Một tính toán đúng sẽ mang lại chiến thắng, nhưng một tính toán sai thì sẽ mang lại những hậu quả xấu khó lường. Những năm đầu chống lại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ với hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" của chúng, ta đã giành được những thắng lợi rực rỡ, làm nức lòng quân dân cả nước, làm bầu bạn đi từ ngạc nhiên đến thần phục. Hơn hai năm sau, cục diện chiến tranh đã tạo ra những cơ hội mới, cho ta có thể tính đến kế hoạch phát triển chiến tranh ở mức cao hơn, rộng lớn hơn và giành những thắng lợi mới to lớn hơn. Nhưng tận dụng cơ hội đó như thế nào? Đánh giá như thế nào cho thật đúng lực lượng của ta và lực lượng của địch? Kế hoạch nào là phù hợp nhất? Chọn cách đánh nào thì làm địch bất ngờ, ta đạt được hiệu quả cao nhất?... Hàng loạt những câu hỏi lớn đặt ra cho Bộ Tổng tham mưu. Đại tướng, người chịu trách nhiệm cao nhất trong cơ quan tham mưu chiến lược nhất định những ngày đó phải suy nghĩ nhiều nhất. Phải chăng, những đề nghị tôi nêu ra từ những ngày trước đã gọi lại trong đầu Đại tướng những suy nghĩ lớn của một phần ba thế kỷ trước?

Nét trầm ngâm, suy tư trên khuôn mặt Đại tướng giãn dần. Đại tướng chậm rãi kể:

"Trong 21 năm chống Mỹ, có thể coi những năm tháng quân dân ta đối đầu và đánh thắng cuộc "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ là giai đoạn chiến lược then chốt mở ra bước ngoặt quyết định đưa cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đến toàn thắng sau này. Đó cũng là giai đoạn thử thách bản lĩnh trong chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, quyết tâm, sức mạnh và sự sáng tạo của quân và dân ta đứng trước tình thế hiểm nghèo.

Quần Mỹ vào miền Nam, tinh chất ác liệt của chiến tranh tăng lên rất nhiều, gây cho ta những khó khăn lớn, đặt cách mạng Việt Nam trước một thách thức nghiêm trọng. Trong tình huống chiến lược này, nếu nhận định cục diện không đúng mà có chủ trương cố thủ, quay về phòng ngự hoặc rút lui thì vô cùng nguy hiểm. Bộ thống soái tối cao của ta đã tỉnh táo, sàng suốt phân tích tình hình cụ thể, kết luận rằng: Mỹ vào, so sánh lực lượng về cơ bản không thay đổi, hạ quyết tâm chiến lược quyết đánh, quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giữ vững chiến lược tiến công. Ta tiếp tục tiến công và phản công, kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị trên ba vùng chiến lược. Theo phương hướng các Nghị quyết 11, 12 của Trung ương và các Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, quân và dân ta ở miền Nam đã đánh thắng quân viễn chinh Mỹ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào miền Nam. Đó là trận thắng ở Núi Thành, Vạn Tường, Plây Me, Đất Cuốc, Bàu Bàng... Những "vành đai diệt Mỹ" hình thành ở Chu Lai, Đà Nẵng, Củ Chi... tạo thế trận đánh Mỹ ngay sát căn cứ của chúng. Phong trào "Dũng sĩ diệt Mỹ" phát triển sâu rộng trên các chiến trường có quân Mỹ. Đây là nét sáng tạo mới trong chiến tranh cách mạng ở miền Nam.

Trong hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967, giới cầm quyền Mỹ có những tham vọng và chi phí quân sự rất lớn, nhưng chúng đã không đạt được các mục tiêu đề ra. Thực tế chiến trường lúc này là địch đã thất bại về nhiều mặt, trên cả phạm vi chiến lược, chiến dịch và chiến thuật. Cả quân sự, chính trị và ngoại giao, cả ở trong nước và trên trường quốc tế, Mỹ đang lâm vào tình thế ngập ngừng về chiến lược, tiến, lui đều khó. Đảng ta nhận định một thời cơ chiến lược lớn đã xuất hiện, có thể và phải chuyển kháng chiến của chúng ta lên một bước mới, giành một thắng lợi quyết định.

Ban đầu, khi được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch chiến lược đông xuân 1967-1968, lúc đầu, Bộ Tổng tham mưu đề ra phương án dự kiến phải có những trận đánh tiêu diệt với chỉ tiêu 3-5 lữ đoàn Mỹ, 3-5 sư đoàn ngụy, giải phóng 8-10 triệu dân, làm tê liệt giao thông, đánh căn cứ lớn, đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong vùng đô thị. Đây là thời điểm mà Bộ Tổng tham mưu phải suy nghĩ nát óc trước bài toán đặt ra: Làm thế nào để gây chuyển biến lớn, tạo một bước ngoặt mới có tính nhảy vọt. Kế hoạch đã báo cáo với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rồi nhưng nghĩ kỹ lại, chúng tôi thấy vẫn có gì đó chưa ổn. Kế hoạch đông xuân trước với yêu cầu đặt ra cao hơn. Mục tiêu đề ra và cách đánh vẫn theo cách cũ mà thực tế chiến trường không dễ thực hiện. Ta đề ra mục tiêu diệt gọn đại đội, tiểu đoàn Mỹ, nhưng trên chiến trường, quân Mỹ được máy bay, pháo binh yểm trợ tối đa, nên hiệu diệt gọn theo các yêu cầu: tiêu diệt, bắt hết tù binh của một đơn vị quân Mỹ, làm chủ trận địa thì ta chưa làm được. Có trận, ta diệt được địch nhưng không bắt được tù binh. Có trận, ta diệt được địch, bắt được tù binh nhưng chưa giải được chúng đi thì máy bay địch đã ập tới ném bom xối xả vào cả ta và tù binh địch. Như vậy, phát triển chiến tranh bằng cách mỗi kế hoạch nâng dần chỉ tiêu diệt gọn các đơn vị địch lên thì đánh với Mỹ sẽ phải rất lâu, chiến tranh sẽ nhùng nhằng kéo dài không tranh thủ được thời cơ, không đáp ứng được tình thế đã mở ra”.

Đại tướng ngừng lời, mắt nhìn ra xa xăm, rồi nói tiếp:

“Thời kỳ ấy, Bộ Chính trị phân công năm người theo dõi tình hình miền Nam: đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Phạm Hùng, đồng chí Lê Đức Thọ, đồng chí Võ Nguyên Giáp và tôi. Suy nghĩ, thấy cần phải xác định mục tiêu và cách đánh mới, cần chuẩn bị lại kế hoạch đông xuân 1967-1968, tôi xin gặp đồng chí Lê Duẩn. Khi nghe tôi trình bày và nêu lên sự phân vân của mình, đồng chí Lê Duẩn đặt vấn đề: phải chăng lúc này có thể đưa chiến lược tiến công đến bước phát triển tất yếu là tổng công kích, tổng khởi nghĩa? Cần phải bán bạc, cần nhắc kỹ. Quân ủy Trung ương cần chuẩn bị để báo cáo Bộ Chính trị.

Đến tháng 8 năm 1967 đã hình thành phương án mới. Sau nhiều tháng nghiên cứu, bán bạc, trao đổi trong Bộ Chính trị và các tư lệnh, chính ủy ở chiến trường mới đi đến hạ quyết tâm cuối cùng. Tháng 8 năm 1967, đồng chí Phạm Hùng được cử vào Nam thay đồng chí Nguyễn Chí Thanh (mất tháng 7-1967) đã mang theo ý định đánh vào đô thị. Tiếp đó, các đồng chí phụ trách chiến trường ra báo cáo và bàn về “cách đánh mới”. Đồng chí Lê Đức Anh ra tháng 9 năm 1967. Đồng chí Trần Văn Trà ra tháng 11 năm 1967. Các đồng chí Cao Văn Khánh (Tây Nguyên), Nguyễn Năng (Khu V), Lê Chương (Trị Thiên) cũng ra.

Các cuộc hội nghị Bộ Chính trị nửa cuối năm 1967, nhất là hội nghị tháng 12 năm 1967, được hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 1 năm 1968) thông qua khẳng định: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của ta lúc này đã có điều kiện tạo một bước chuyển mới có thể chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định, phải tạo được bước ngoặt lớn của cuộc chiến tranh. Phải tạo được một bước nhảy vọt bằng chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Chọn một cách đánh mới khiến cho Mỹ-ngụy không thể nghĩ tới, giành một thắng lợi mang tầm vóc chiến lược. Khi đã có thời cơ, nếu ta biết cách làm và làm đúng với nỗ lực cao nhất thì lực lượng ít cũng tạo nên sức mạnh lớn. Hướng tiến công chủ yếu là đô thị, trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế. Mục tiêu tiến công chủ yếu là nhằm vào các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ-ngụy, các trung tâm chỉ huy, các hậu cứ, vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa phá hủy phương tiện chiến tranh. Không gian tiến công là toàn miền Nam, tiến hành đồng loạt trên quy mô lớn nhất. Thời gian tiến công là đúng vào giữa đêm giao thừa Tết Nguyên đán, lúc địch sơ hở nhất. Phương châm đánh địch là kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng ở cả ba vùng chiến lược trong toàn miền. Tất cả các mặt trên đây đều nhằm

mục đích: giáng cho địch một đòn thật mạnh và thật hiểm, bất ngờ và đồng loạt, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, tạo nên sự thay đổi cơ bản cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Ta còn chủ trương căng địch ra trên khắp các chiến trường, kéo chủ lực địch ra mặt trận đường số 9-Khe Sanh, xem đó là một trong những mặt trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, là một đòn chính của bộ đội chủ lực ta trên các chiến trường có lợi để tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và giam chân chúng, tạo thế cho các chiến trường khác đánh vào đô thị.

Sau khi xác định xong kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam xuân Mậu Thân 1968, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương lên báo cáo với Bác Hồ. Bác rất vui và căn dặn toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải dốc sức đánh cho Mỹ-ngụy những đòn thật mạnh, thật bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược nước ta của chúng.

Đúng đêm giao thừa và đêm mùng 1 Tết Mậu Thân, ta đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, đồng loạt tiến công địch ở 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm đô thị, đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não Trung ương, địa phương cả Mỹ lẫn ngụy, bao gồm 4 bộ tư lệnh quân khu, quân đoàn, 8 bộ tư lệnh sư đoàn, 2 bộ tư lệnh biệt khu ngụy, 2 bộ tư lệnh dã chiến, 30 sân bay, nhiều căn cứ kho tàng lớn. Trong đó, có những trận đánh gây chấn động như đánh vào Đại sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu ngụy ở Sài Gòn và 25 ngày đêm làm chủ thành phố Huế... Đồng thời, nhân dân hầu khắp các vùng nông thôn, được sự giúp sức của lực lượng vũ trang đã nổi dậy, phá tan từng mảng hệ thống kim kẹp của ngụy quyền ở thôn xã.

Tôi hỏi Đại tướng về những kết quả to lớn nhất mà cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968 mang lại cho ta, Đại tướng trả lời ngắn gọn:

"Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của ta như một đòn sét đánh đối với bọn trùm xâm lược Mỹ, làm chấn động cả nước Mỹ và chấn động dư luận thế giới. Sau một tháng, tướng Oét-mo-len, Tổng chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam bị cách chức. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mác Na-ma-ra từ chức. Sau 2 tháng, ngày 31-3-1968, Tổng thống Giôn-xơn phải tuyên bố ba điểm: 1- Đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; 2- Nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri; 3- Không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ nữa. Đây là sự thừa nhận đầu tiên nhưng đầy đủ nhất về sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

Cùng với thắng lợi liên tiếp trong đông xuân 1965-1966, đông xuân 1966-1967, đánh bại hai cuộc phản công mùa khô của địch, thắng lợi Tết Mậu Thân đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của đế quốc Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Bằng cuộc Tổng tiến công chiến lược này, ta đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, phải chuyển sang chiến lược "phi Mỹ hóa chiến tranh" rồi "Việt Nam hóa chiến tranh". Thực tế chứng tỏ, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của ta đã tạo bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, khởi đầu một quá trình đi xuống về chiến lược trong chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ".

043 - Laos, Southern Laos, Route 9 (?)

113 - Local force (?)

667 - Saigon

045 - Cambodia (?)

222 - MR-8 (?)

222 - MR-9 (?)

325 747 383 597 = defeat, crush (?)

Trận đánh cuối cùng ở hướng tây Sài Gòn

Ngày 03 tháng 12 năm 2004

Cuộc tiến công đợt 2 vào Sài Gòn Xuân 1968 tưởng chừng đã kết thúc thì chiến sự lại bùng lên ở phía bắc thành phố trên khu vực Bình Hòa, Hàng Xanh do các tiểu đoàn của phân khu 1 và 5 đã tìm cách vượt qua được các hàng rào phòng thủ vòng ngoài của quân Mỹ-ngụy. Phía tây và nam không còn chiến sự nên quân địch tập trung lực lượng biệt động quân, thủy quân lục chiến và lính dù lên đối phó ở phía bắc.

Trước tình thế bất lợi về mặt quân sự của các lực lượng ta ở cánh bắc, Bộ chỉ huy Miền chỉ thị cho phân khu 2 đưa lực lượng tấn công vào Sài Gòn để phối hợp và lôi kéo lực lượng địch cho cánh bắc. Nhiệm vụ vô cùng nặng nề ấy lại được đặt lên vai trung đoàn trưởng Võ Văn Hoàng (Hai Hoàng) và cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 6, tiểu đoàn 308 phân khu 2. Vấn đề trước mắt là đưa lực lượng vào đường nào? Tất cả các hướng tấn công đợt 1 và đợt 2 đều bị địch ngăn chặn từ xa. Sau mấy ngày nghiên cứu, chỉ còn khu vực đầm lầy ở Phú Định phía Nam Mũi tàu Phú Lâm địch còn sơ hở có thể đưa lực lượng ta vào hướng này.

Đêm 30-5, trung đoàn trưởng Hoàng quyết định chuyển hướng tiến công về phía đông, đánh chiếm cầu Phú Định rồi cặp hai bên đại lộ Hậu Giang tiến vào hướng quận 5 Chợ Lớn. Bằng cách đục xuyên tường để tiến công, hai tiểu đoàn đã tiến rất nhanh và chiếm được một khu vực khá rộng giáp quận 5 và quận 6, gồm từ đường Nguyễn Trãi, Đồng Khánh, đến bến xe Chợ Lớn trên đường Trang Tử. Từ chợ Bình Tây đến hăng xá bông Trương Văn Bền và Trường trung học Phúc Kiến... Nhưng các mũi tiến quân đã bị chặn lại bởi hai đại lộ lớn là Tổng Đốc Phương ở phía đông và đại lộ Hồng Bàng ở phía bắc. Quân địch chiếm lại được nhà hàng Soái Kinh Lâm và chiếm nhà thờ Cha Tam ở ngã ba đường Đồng Khánh và đường Học Lạc. Hai vị trí này hình thành một trục kiểm soát và rất chặt chẽ và làm cho lực lượng phân khu bị kẹt trong các đường hẻm nhỏ nối Đồng Khánh với Nguyễn Trãi.

Chỉ huy bộ đội trên khu vực này là trung đoàn phó Ba Giáo. Anh là người can bộ hiền từ, rất gần gũi anh em chiến sĩ và được mọi người yêu mến. Trung đoàn phó quyết định cho bộ đội vượt đường Nguyễn Trãi để thoát khỏi khu vực khống chế của địch. Các chiến sĩ băng qua đường đều bị quân địch ở mặt sau của nhà hàng Soái Kinh Lâm phát hiện và bắn theo xối xả... Đến lượt Trung đoàn phó vượt đường khi anh vừa bước chân xuống hè phố, một quả M.79 nổ ngay trước mặt. Sau khi vĩnh biệt người chỉ huy, các chiến sĩ phân tán nhỏ thành từng tổ vừa chiến đấu vừa tìm đường đi thoát ra khỏi vòng vây.

Tối hôm đó, người nữ biệt động thành là chị Năm Tâm cùng một vài chiến sĩ đã từ khu vực Nguyễn Trãi về được Trường trung học Phúc Kiến để gặp Trung đoàn trưởng đã bị thương nặng ở chân và mặt. Bên cạnh anh còn 10 thương binh khác. Nhóm 12 người thương binh đi nhau đi qua những lỗ tường đục tìm đường trở lại hướng chợ Bình Tây để ra Phú Định. Đêm 6-6-1968, họ về qua hăng xá bông Trương Văn Bền và vào hăng bao bì ngay bên đường Ngô Nhâm Tịnh, gần đầu cầu Pa-li-cao. Đến đây, trung đoàn trưởng Hoàng đã thấy không thể thoát ra khỏi vòng vây vì ngoài đường Hậu Giang, khu chợ Bình Tây và trên cầu Pa-li-cao đều đông nghẹt lính Sài Gòn, chúng còn rải dây thép gai để bao vây khu vực hăng bao bì, không kể xe bọc thép đứng dài trên các ngã ba, ngã tư. Trung đoàn trưởng quyết định cử chị Năm Tâm tìm cách thoát vòng vây về phân khu bảo cáo vì chị có thể giả làm người dân bị kẹt trong trận địa, may ra qua mắt được bọn lính Sài Gòn.

Lúc đầu chị Năm Tâm không rời bỏ các chiến sĩ đã bị thương và đang rất cần chị dẫn đường. Nhưng trung đoàn trưởng coi đó là nhiệm vụ giao cho chị nên chị phải chấp hành. Trung đoàn trưởng đưa cho chị Năm chiếc đồng hồ anh đang đeo, khẩu súng ngắn đã lên đạn sẵn và dặn: "Cháu về báo cáo với phân khu: trung đoàn đã hoàn thành nhiệm

vụ với Đảng, chúng tôi ở lại chiến đấu đến cùng”. Anh còn dặn đưa những kỹ vật cho các đồng chí trong Bộ tư lệnh... Câu nói cuối cùng của anh là: “Sống như Nguyễn Đức Thuận, chết như Nguyễn Văn Trỗi”.

Chị Năm Tâm giấu khẩu súng dưới đáy chiếc giỏ sách và từ trong hăng bao bì bước ra, chị đi giữa những họng súng. Những người lính Sài Gòn nhìn chị chăm chăm, dường như họ biết chị là ai, nhưng lạ thay, không ai nói một lời, không ai ngăn cản chị. Khi ra khỏi vòng vây, bọn cánh sắt đòi khám xét, nhưng chị đã đối đáp khôn khéo để thoát khỏi chúng. Những cơ sở cách mạng của Sài Gòn đã kịp thời giúp đỡ chị Tâm và đưa chị về Bộ chỉ huy phân khu 2 đang ở Tân Kiên.

Chị Năm Tâm vừa ra khỏi khu vực thì lính Sài Gòn khẹp chặt vòng vây quanh hăng bao bì, chúng bắt loa gọi hàng, sau đó bắn pháo nổ và bắn pháo hơi ngạt. Cuối cùng chúng đã xông vào giết chết 11 thương binh khi họ chỉ có vài khẩu súng đã hết đạn.

Sau sự kiện ấy, đến cuối năm 1968, nhân dân ở đây đã lập một nhà thờ nhỏ hè đường Ngô Nhâm Tịnh, dưới dốc cầu Pa-li-cao và gọi là “Miếu chiến sĩ” để tưởng nhớ những chiến sĩ quân giải phóng đã hy sinh ở khu vực này. Ngôi miếu nhỏ ấy đến nay vẫn còn.

Trận cuối cùng của Quân khu 2 ở phía tây thành phố kết thúc vào ngày 7-6-1968. Trận đánh cảm tử kéo dài 12 ngày ấy đã thu hút được một phần lực lượng địch từ cánh bắc xuống, tạo điều kiện cho lực lượng của phân khu 1 và phân khu 5 có thể kéo dài các trận đánh trên khu vực Bình Hòa, Gò Vấp đến ngày 18-6. Như vậy là cuộc tấn công vào Sài Gòn trong đợt 2 năm 1968 đã kéo dài một tháng rưỡi (từ 5-5 đến 18-6) trong khi ở các đô thị khác, các cuộc tiến công chỉ ở vòng ngoài và kéo dài từ 1 đến 2 ngày. Đó là sự cố gắng vượt bậc của các phân khu quanh Sài Gòn trong đó có phần đóng góp rất lớn của 2 phân khu Long An. Những chiến tích ở Tân Sơn Nhất, cầu chữ Y, Chợ Lớn... đã đi vào lịch sử những trận đánh lớn trong cuộc tấn công Mậu Thân 1968.

TOP

ĐỖ ĐĂNG SƠN

Tạo bước ngoặt trong kháng chiến chống Mỹ

Ngày 03 tháng 12 năm 2004

Buổi Đại tướng Văn Tiến Dũng gọi tôi vào kể cho nghe việc chuẩn bị kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 khác hơn thường lệ. Đúng giờ, khi thư ký của Đại tướng dẫn tôi bước vào phòng khách, đã thấy Đại tướng ngồi nghiêm trang. Trên bàn không thấy một cuốn sổ hay một tờ giấy nào. Đại tướng chỉ tay, bảo tôi ngồi xuống ghế, mà nét mặt vẫn cứ trầm ngâm. Nhìn nét mặt suy tư của Đại tướng, tôi lại nhớ đến không khí của đất nước hơn một phần ba thế kỷ trước.

Tháng 3 năm 1965, đế quốc Mỹ bắt đầu đổ bộ những đơn vị chiến đấu hoàn chỉnh vào miền Nam Việt Nam. Cả thế giới lo lắng cho ta. Khi đế quốc Mỹ đổ nửa triệu quân cùng các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất vào miền Nam thì vận mệnh sống còn của Tổ quốc đặt ra cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Vận mệnh đó cũng đặt lên vai của Đại tướng, người đứng đầu cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, của quân đội ta thật vô cùng nặng nề. Một tính toán đúng sẽ mang lại chiến thắng, nhưng một tính toán sai thì sẽ mang lại những hậu quả xấu khó lường. Những năm đầu chống lại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ với hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" của chúng, ta đã giành được những thắng lợi rực rỡ, làm nức lòng quân dân cả nước, làm bầu bạn đi từ ngạc nhiên đến thần phục. Hơn hai năm sau, cục diện chiến tranh đã tạo ra những cơ hội mới, cho ta có thể tính đến kế hoạch phát triển chiến tranh ở mức cao hơn, rộng lớn hơn và giành những thắng lợi mới to lớn hơn. Nhưng tận dụng cơ hội đó như thế nào? Đánh giá như thế nào cho thật đúng lực lượng của ta và lực lượng của địch? Kế hoạch nào là phù hợp nhất? Chọn cách đánh nào thì làm địch bất ngờ, ta đạt được hiệu quả cao nhất?... Hàng loạt những câu hỏi lớn đặt ra cho Bộ Tổng tham mưu. Đại tướng, người chịu trách nhiệm cao nhất trong cơ quan tham mưu chiến lược nhất định những ngày đó phải suy nghĩ nhiều nhất. Phải chăng, những đề nghị tôi nêu ra từ những ngày trước đã gợi lại trong đầu Đại tướng những suy nghĩ lớn của một phần ba thế kỷ trước?

Nét trầm ngâm, suy tư trên khuôn mặt Đại tướng dần dần. Đại tướng chậm rãi kể:

"Trong 21 năm chống Mỹ, có thể coi những năm tháng quân dân ta đối đầu và đánh thắng cuộc "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ là giai đoạn chiến lược then chốt mở ra bước ngoặt quyết định đưa cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đến toàn thắng sau này. Đó cũng là giai đoạn thử thách bản lĩnh trong chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, quyết tâm, sức mạnh và sự sáng tạo của quân và dân ta đứng trước tình thế hiểm nghèo.

Quân Mỹ vào miền Nam, tính chất ác liệt của chiến tranh tăng lên rất nhiều, gây cho ta những khó khăn lớn, đặt cách mạng Việt Nam trước một thách thức nghiêm trọng. Trong tình huống chiến lược này, nếu nhận định cục diện không đúng mà có chủ trương cố thủ, quay về phòng ngự hoặc rút lui thì vô cùng nguy hiểm. Bộ thông soái tối cao của ta đã tỉnh táo, sáng suốt phân tích tình hình cụ thể, kết luận rằng: Mỹ vào, so sánh lực lượng về cơ bản không thay đổi, hạ quyết tâm chiến lược quyết đánh, quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giữ vững chiến lược tiến công. Ta tiếp tục tiến công và phản công, kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị trên ba vùng chiến lược. Theo phương hướng các Nghị quyết 11, 12 của Trung ương và các Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, quân và dân ta ở miền Nam đã đánh thắng quân viễn chinh Mỹ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào miền Nam. Đó là trận thắng ở Núi Thành, Vạn Tường, Plây Me, Đất Cuốc, Bàu Bàng... Những "vành đai diệt Mỹ" hình thành ở Chu Lai, Đà Nẵng, Củ Chi... tạo thế trận đánh Mỹ ngay sát căn cứ của chúng. Phong trào "Dũng sĩ diệt Mỹ" phát triển sâu rộng trên các chiến trường có quân Mỹ. Đây là nét sáng tạo mới trong chiến tranh cách mạng ở miền Nam.

Trong hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967, giới cầm quyền Mỹ có những tham vọng và chi phí quân sự rất lớn, nhưng chúng đã không đạt được các mục tiêu đề ra. Thực tế chiến trường lúc này là địch đã thất bại về nhiều mặt, trên cả phạm vi chiến lược, chiến dịch và chiến thuật. Cả quân sự, chính trị và ngoại giao, cả ở trong nước và trên trường quốc tế, Mỹ đang lâm vào tình thế ngập ngừng về chiến lược, tiến, lui đều khó. Đảng ta nhận định một thời cơ chiến lược lớn đã xuất hiện, có thể và phải chuyển kháng chiến của chúng ta lên một bước mới, giành một thắng lợi quyết định.

Ban đầu, khi được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch chiến lược đông xuân 1967-1968, lúc đầu, Bộ Tổng tham mưu đề ra phương án dự kiến phải có những trận đánh tiêu diệt với chỉ tiêu 3-5 lữ đoàn Mỹ, 3-5 sư đoàn ngụy, giải phóng 8-10 triệu dân, làm tê liệt giao thông, đánh căn cứ lớn, đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong vùng đô thị. Đây là thời điểm mà Bộ Tổng tham mưu phải suy nghĩ nát óc trước bài toán đặt ra: Làm thế nào để gây chuyển biến lớn, tạo một bước ngoặt mới có tính nhảy vọt. Kế hoạch đã báo cáo với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rồi nhưng nghĩ kỹ lại, chúng tôi thấy vẫn có gì đó chưa ổn. Kế hoạch đông xuân trước với yêu cầu đặt ra cao hơn. Mục tiêu đề ra và cách đánh vẫn theo cách cũ mà thực tế chiến trường không dễ thực hiện. Ta đề ra mục tiêu diệt gọn đại đội, tiểu đoàn Mỹ, nhưng trên chiến trường, quân Mỹ được máy bay, pháo binh yểm trợ tối đa, nên hiệu diệt gọn theo các yêu cầu: tiêu diệt, bắt hết tù binh của một đơn vị quân Mỹ, làm chủ trận địa thì ta chưa làm được. Có trận, ta diệt được địch nhưng không bắt được tù binh. Có trận, ta diệt được địch, bắt được tù binh nhưng chưa giải được chúng đi thì máy bay địch đã ập tới ném bom xối xả vào cả ta và tù binh địch. Như vậy, phát triển chiến tranh bằng cách mỗi kế hoạch nâng dần chỉ tiêu diệt gọn các đơn vị địch lên thì đánh với Mỹ sẽ phải rất lâu, chiến tranh sẽ nhùng nhằng kéo dài không tranh thủ được thời cơ, không đáp ứng được tình thế đã mở ra".

Đại tướng ngừng lời, mắt nhìn ra xa xăm, rồi nói tiếp:

"Thời kỳ ấy, Bộ Chính trị phân công năm người theo dõi tình hình miền Nam: đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Phạm Hùng, đồng chí Lê Đức Thọ, đồng chí Võ Nguyên Giáp và tôi. Suy nghĩ, thấy cần phải xác định mục tiêu và cách đánh mới, cần chuẩn bị lại kế hoạch đông xuân 1967-1968, tôi xin gặp đồng chí Lê Duẩn. Khi nghe tôi trình bày và nêu lên sự phân vân của mình, đồng chí Lê Duẩn đặt vấn đề: phải chăng lúc này có thể đưa chiến lược tiến công đến bước phát triển tất yếu là tổng công kích, tổng khởi nghĩa? Cần phải bàn bạc, cân nhắc kỹ. Quân ủy Trung ương cần chuẩn bị để báo cáo Bộ Chính trị.

Đến tháng 8 năm 1967 đã hình thành phương án mới. Sau nhiều tháng nghiên cứu, bàn bạc, trao đổi trong Bộ Chính trị và các tư lệnh, chính ủy ở chiến trường mới đi đến quyết tâm cuối cùng. Tháng 8 năm 1967, đồng chí Phạm Hùng được cử vào Nam thay đồng chí Nguyễn Chí Thanh (mất tháng 7-1967) đã mang theo ý định đánh vào đô thị. Tiếp đó, các đồng chí phụ trách chiến trường ra báo cáo và bàn về "cách đánh mới". Đồng chí Lê Đức Anh ra tháng 9 năm 1967. Đồng chí Trần Văn Trà ra tháng 11 năm 1967. Các đồng chí Cao Văn Khánh (Tây Nguyên), Nguyễn Năng (Khu V), Lê Chương (Trị Thiên) cũng ra.

Các cuộc hội nghị Bộ Chính trị nửa cuối năm 1967, nhất là hội nghị tháng 12 năm 1967, được hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 1 năm 1968) thông qua khẳng định: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của ta lúc này đã có điều kiện tạo một bước chuyển mới có thể chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định, phải tạo được bước ngoặt lớn của cuộc chiến tranh. Phải tạo được một bước nhảy vọt bằng chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Chọn một cách đánh mới khiến cho Mỹ-ngụy không thể nghĩ tới, giành một thắng lợi mang tầm vóc chiến lược. Khi đã có thời cơ, nếu ta biết cách làm và làm đúng với nỗ lực cao nhất thì lực lượng ít cũng tạo nên sức mạnh lớn. Hướng tiến công chủ yếu là đô thị, trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế. Mục tiêu tiến công chủ yếu là nhằm vào các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ-ngụy, các trung tâm chỉ huy, các hậu cứ, vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa phá hủy phương tiện chiến tranh. Không gian tiến công là toàn miền Nam, tiến hành đồng loạt trên quy mô lớn nhất. Thời gian tiến công là đúng vào giữa đêm giao thừa Tết Nguyên Đán, lúc địch sơ hở nhất. Phương châm đánh địch là kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng ở cả ba vùng chiến lược trong toàn miền. Tất cả các mặt trên đây đều nhằm

mục đích: giáng cho địch một đòn thật mạnh và thật hiểm, bất ngờ và đồng loạt, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, tạo nên sự thay đổi cơ bản cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Ta còn chủ trương căng địch ra trên khắp các chiến trường, kéo chủ lực địch ra mặt trận đường số 9-Khe Sanh, xem đó là một trong những mặt trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, là một đòn chính của bộ đội chủ lực ta trên các chiến trường có lợi để tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và giam chân chúng, tạo thế cho các chiến trường khác đánh vào đô thị.

Sau khi xác định xong kế hoạch Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam xuân Mậu Thân 1968, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương lên báo cáo với Bác Hồ. Bác rất vui và căn dặn toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải dốc sức đánh cho Mỹ-ngụy những đòn thật mạnh, thật bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược nước ta của chúng.

Đúng đêm giao thừa và đêm mùng 1 Tết Mậu Thân, ta đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, đồng loạt tiến công địch ở 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm đô thị, đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não Trung ương, địa phương cả Mỹ lẫn ngụy, bao gồm 4 bộ tư lệnh quân khu, quân đoàn, 8 bộ tư lệnh sư đoàn, 2 bộ tư lệnh biệt khu ngụy, 2 bộ tư lệnh dã chiến, 30 sân bay, nhiều căn cứ kho tàng lớn. Trong đó, có những trận đánh gây chấn động như đánh vào Đại sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu ngụy ở Sài Gòn và 25 ngày đêm làm chủ thành phố Huế... Đồng thời, nhân dân hầu khắp các vùng nông thôn, được sự giúp sức của lực lượng vũ trang đã nổi dậy, phá tan từng mảng hệ thống kìm kẹp của ngụy quyền ở thôn xã".

Tôi hỏi Đại tướng về những kết quả to lớn nhất mà cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968 mang lại cho ta, Đại tướng trả lời ngắn gọn:

"Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của ta như một đòn sét đánh đối với bọn trùm xâm lược Mỹ, làm chấn động cả nước Mỹ và chấn động dư luận thế giới. Sau một tháng, tướng Oát-mo-len, Tổng chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam bị cách chức. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mác Na-ma-ra từ chức. Sau 2 tháng, ngày 31-3-1968, Tổng thống Giôn-xơn phải tuyên bố ba điểm: 1- Đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; 2- Nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri; 3- Không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ nữa. Đây là sự thừa nhận đầu tiên nhưng đầy đủ nhất về sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

Cùng với thắng lợi liên tiếp trong đông xuân 1965-1966, đông xuân 1966-1967, đánh bại hai cuộc phản công mùa khô của địch, thắng lợi Tết Mậu Thân đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của đế quốc Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Bằng cuộc Tổng tiến công chiến lược này, ta đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, phải chuyển sang chiến lược "phi Mỹ hóa chiến tranh" rồi "Việt Nam hóa chiến tranh". Thực tế chứng tỏ, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của ta đã tạo bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, khởi đầu một quá trình đi xuống về chiến lược trong chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ".



LÊ LIÊN

Bài báo đó có thể đọc tại đây

http://www.quandoindahandau.org.vn/news.php?id_new=40321&subject=3 . Tui post nội dung để bà con tiện theo dõi.

HOA ĐIỆP VÀNG DƯỚI NHỮNG CÁNH BAY

Ngày 17 tháng 02 năm 2005

Nghe tin đoàn không quân C35 tổ chức huấn luyện ban bay đầu xuân, tôi vội cầm máy ảnh kèm theo cuốn sổ tay "phi" xe máy tới ngay sân bay Biên Hoà. Đường vào doanh trại đoàn C35, hai dãy hoa điệp vàng tươi khoe sắc dưới nắng xuân.

Lúc này là 9 giờ, ngoài khu kỹ thuật rất đông cán bộ, chiến sĩ các thành phần đang tích cực chuẩn bị cho ban bay. Các tổ thợ máy xúm xít bên máy bay kiểm tra, hiệu chỉnh các thông điệp. Chiến sĩ hậu cần tíu tít chuẩn bị xăng dầu, nước uống và cả đồ ăn giữa buổi cho phi công. Anh em thông tin gọi nhau ý ới giữa các đài phát ra loa nghe cứ oang oang... Không khí sân bay náo nhiệt như ngày hội. Thấy tôi, trung tá Nguyễn Thăng Long, Chủ nhiệm chính trị vồn vã:

- Anh đến thật đúng lúc. Hôm nay là ban bay đầu xuân, anh em rất khí thế!

Máy bay trinh sát khí tượng đã về hạ cánh. Hai phi công Nguyễn Gia Nhân và guyễn Ngọc Ngân về báo cáo chỉ huy. Anh Long dẫn tôi về nhà vóm để chứng kiến cuộc họp hạ quyết tâm bay. Sau khi nghe các thành phần báo cáo tình hình công tác chuẩn bị và nghe phi công khí tượng thông báo thời tiết trên đường bay, chỉ huy trưởng – thượng tá Nguyễn Văn Thận hạ quyết tâm bay đúng kế hoạch. Các thành phần tản ra khẩn trương chuẩn bị, 9 giờ 30 phút bắt đầu bay chính thức. Giờ đầu tiên, phó chủ nhiệm chính trị Trần Quang Hùng kèm cho phi đội trưởng Trần Quốc Tuấn bay phục hồi biển, trung tá Nguyễn Ngọc Ngân bay kèm phục hồi thấp không đất liền cho trung tá - phi công Lê Kim Toán. Tôi lao nhanh ra đài cất – hạ cánh K6 nằm giữa đường băng để chụp cảnh máy bay đang lên. Các chiến sĩ thông tin ngoài đài chỉ cho tôi vị trí máy bay cất cánh và hạ cánh bung dù. Đài trưởng Nguyễn Văn Tuyển đưa tôi lên xe chỉ huy theo dõi trận "chặn kích" mà phi công Nguyễn Đức Yên làm quán xanh. Phi công Nguyễn Văn Ba bay ra biển cách sân bay khoảng 130 km thì phát hiện máy bay "địch" ở độ cao 4000 mét. Thiếu uý trẻ dẫn đường Trần Văn Toàn đang được trưởng tiểu ban dẫn đường Nguyễn Hoài Nam kèm cặp chỉ cho tôi những con én bạc trên bầu trời Đồng Nai nhỏ như hạt gạo đang di chuyển trên màn hiện sóng.

Chòi chỉ huy K4, cao ngất ngưỡng giữa đường băng mênh mông. Trên chòi cao tôi nhìn thấy toàn cảnh đường băng như một tấm thảm nhung trải ra trước mặt. Những đám cỏ tranh khô vàng suộm hai bên. Phó chỉ huy trưởng đơn vị Bùi Tiến Đức đang chỉ huy cho máy bay hạ cánh. Tiếng anh vang vang: "41 về dài độ cao 1200..., hạ cánh đường số 1, lặng gió...". Chỉ huy trưởng phân đội thông tin – trung tá Nguyễn Trọng Hát, kéo tay tôi chỉ các đài thông tin quét ve vàng nhạt dọc đường băng:

- Kia là hai đài K8 và K9 đơn vị mới triển khai để phục vụ cho máy bay Cy-C huấn luyện. Thời gian ngắn, nhưng chúng tôi đã huấn luyện thành thạo cho các chiến sĩ để đáp ứng kịp nhiệm vụ.

Chia tay đài K4, tôi bám theo chiếc máy bay do thiếu tá phi công Đào Thành Khang điều khiển hoá thành chuyển bay biển vừa hạ cánh. Anh bước ra khỏi máy bay, trên ngực vẫn còn đeo chiếc áo phao màu vàng đậm. Gạt những giọt mồ hôi lã trên trán, Khang vui vẻ kể:

- Trời hôm nay trong xanh, em bay ra biển thấy cả những con tầu rẽ sóng trắng phau đang ra khơi. Được bay trên trời cảm giác thích lắm anh ạ, phi công mà không được bay nó ngứa ngáy chân tay lắm.

Tôi gặp thiếu tá - biên đội trưởng Trần Hải Âu khi anh đang chỉ huy máy bay hạ - cất cánh ở đài K5. So với lần gặp cách đây mấy năm Âu đen, rắn rỏi chứ không mảnh mai, thư sinh nữa. Những khẩu lệnh Âu đưa ra gọn, rõ giúp cho các phi công yên tâm về hạ cánh an toàn. Âu chỉ cho tôi máy bay của thượng tá - tham mưu trưởng Nguyễn Văn Vi, trung tá - phi đội trưởng Trần Văn Dũng và trung tá phi đội phó Trần Trọng Tuyển lần lượt gầm lên phụt ra những luồng lửa vàng rực lao vút lên bầu trời xanh thẳm.

Đúng 12 giờ, chuyến bay cuối cùng của trung tá Lê Kim Toán hạ cánh an toàn trong niềm hân hoan của đồng đội. Tôi nhìn thấy cả ánh nắng vàng lung linh trong mắt anh. Ban bay huấn luyện đầu xuân đã hoàn thành suôn sẻ, báo hiệu một mùa bay vàng đang chờ đợi. Trời cao xanh trong và những cánh hoa điệp vàng như tươi hơn chào đón bước chân những phi công đoàn C35 anh hùng.

ĐOÀN HOÀI TRUNG

Trận đánh đêm mừng sinh nhật Đảng

Ngày 05 tháng 02 năm 2005



Vợ chồng anh hùng Lâm Văn Lịch

Đại tá phi công Lâm Văn Lịch, Anh hùng LLVT nhân dân đã từng bắn rơi 4 máy bay của đế quốc Mỹ. Nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng, tôi đã có cuộc trò chuyện với ông về trận đánh mà đúng vào ngày 3-2-1966, một mình ông xuất kích giữa đêm tối mịt mùng và trong vòng chưa đầy hai phút bắn rơi tại chỗ hai chiếc máy bay Mỹ...

Ra đi từ Mũi Cà Mau đến Trường không quân số 3

Ông Lâm Văn Lịch sinh năm 1932, tại xã Định Thành, huyện Gia Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Tấn Văn, thành phố Cà Mau), trong gia đình mẹ Việt, bố gốc người Hoa. Ảnh hưởng gia đình và dòng họ, đầu năm 1946, mới 13 tuổi, ông Lâm Văn Lịch đã tham gia hoạt động trinh sát cho đội du kích xã. Ông đã len lỏi theo dõi quy luật hoạt động của tên ác ôn trong vùng, để báo du kích trừ khử hắn.

Năm 1949, ông được vào đại đội 554 địa phương quân tỉnh Bạc Liêu, tham gia các trận chống càn của Pháp vào căn cứ của ta. Ông được kết nạp Đảng năm 1953. Đơn vị ông đã vào tiếp quản tuyến tập kết tạm thời của bộ đội miền Nam ra Bắc và là nơi trao trả tù binh giữa Pháp với ta thuộc thành phố Cà Mau ngày nay. Ông theo chuyến tàu gần cuối cùng tập kết ra Bắc với cương vị trung đội phó của đại đội 3, tiểu đoàn 9, trung đoàn 3 miền Tây Nam Bộ.

Giữa năm 1955, ông được trên cho đi học trường Văn hóa Bộ Quốc phòng và nhờ có sức khỏe tốt, nên ông được tuyển chọn học lái máy bay tại Trường không quân số 3 ở Liêu Ninh, Trung Quốc. Đây là khóa 1 đầu tiên của Không quân nhân dân Việt Nam. Cùng học với ông có các ông Đào Đình Luyện, Trần Hanh, Phạm Ngọc Lan, Nguyễn Ngọc Độ, Nguyễn Nhật Chiêu... Trong quá trình học tập, Bác Hồ có sang Trung Quốc gửi tặng cho các phi công hai chiếc huy hiệu của Người. Đoàn trưởng Đào Đình Luyện và ông được anh em bình chọn nhận hai chiếc huy hiệu này, mà ngày nay ông vẫn lưu giữ như một "tài sản" quý giá. Sau khi học xong, ông được tham gia biên đội đầu tiên cùng trung đoàn trưởng Đào Đình Luyện và phi công Phạm Ngọc Lan hạ cánh xuống sân bay Nội Bài giữa những ngày khói lửa của cuộc chiến tranh chống phá hoại của đế quốc Mỹ.

Những trận không chiến

Đêm 3 tháng 2 năm 1966 là một đêm không bao giờ quên trong tâm trí của ông. Ấy là đêm ông đã lập nên chiến công vang dội dâng lên ngày sinh của Đảng. Đêm ấy, phi công Lâm Văn Lịch được phân công trực ban sẵn sàng chiến đấu. Sờ chỉ huy bảo động có máy bay địch vào xâm phạm vùng trời của ta. Cả sân bay nhộn nhịp chuẩn bị cho ông cất cánh, những người thợ máy kiểm tra lại lần cuối, xe nạp điện đã sẵn sàng. Chiếc máy bay Mig-17 lao vút lên bầu trời đêm và phi công Lâm Văn Lịch hỏi hợp không tá, vì đây là lần đầu tiên đánh đêm của không quân ta. Ông được sờ chỉ huy các cấp dưới đất dẫn bay vào tiếp cận mục tiêu. Ban ngày trời trong xanh, phi công có thể phát hiện máy bay địch bằng mắt thường hơn 10 cây số, nhưng ban đêm chỉ còn trông chờ vào ra-đa trên máy bay, nhưng ra-đa phải khi nào vào gần địch mới được mở, vì mở sớm địch sẽ phát hiện ngay. Vì trên máy bay địch có thiết bị phát hiện sóng ra-đa của ta.

Khi máy bay đến Hòa Bình, Mộc Châu, ông đã mở ra-đa và phát hiện máy bay địch ở cự ly 8km. Ông lập tức cho máy bay tăng tốc đuổi theo. Trên máy bay Mig-17 có một khẩu pháo 37mm và hai khẩu pháo 23mm, có ra-đa ngắm bắn. Ông quan sát đưa máy bay mình vào đúng độ cao máy bay địch phía trước khoảng 5.000m, rồi đưa mục tiêu vào vòng ngắm. Mục tiêu đã rõ, cự ly khoảng 800m, ông tăng tốc và định tiếp cận khoảng 400m thì bắn, nhưng thật bất ngờ, mục tiêu trên màn ra-đa bỗng chao đảo không ổn định, rồi biến mất. Lúc đó ông không hiểu nguyên nhân tại sao, nhưng giờ đây ngẫm lại, ông cho rằng có thể hai máy bay địch đi sát nhau quá, nên ra-đa cũng không biết phải bám mục tiêu nào và hơn nữa ông tăng tốc độ quá lớn, nên không kịp xử trí khi tiếp cận địch. Lúc ấy, trong máy bay của ông có các đèn báo nguy hiểm và tiếng chuông báo hiệu sắp va chạm máy bay với nhau. Thoảng bối rối, trong khi luyện tập, nếu tình huống hai máy bay sắp va nhau thì phi công phải nhanh chóng thoát ly. Nhưng lúc này Lâm Văn Lịch quyết định lao cả máy bay vào địch làm một cảm tử quân vì Tổ quốc. Ý chí của người phi công lúc ấy mong muốn tiêu diệt máy bay địch bằng mọi giá dù hy sinh tính mạng để lập công dâng lên Đảng kính yêu. Nhưng lao mãi mà không gặp máy bay địch. Ông nhìn ra ngoài trời đêm, thì phát hiện máy bay địch lù lù dưới cánh mình khoảng 8m. Lúc đầu ông định chúi xuống đập máy bay vào cánh máy bay địch, nơi chỗ hiểm yếu dễ rơi và va sấn sáng nháy dù, nhưng sau đó một ý nghĩ chợt lóe ra, sao mình không lùi lại để dùng súng bắn nó? Nghĩ vậy ông giảm tốc độ lùi lại cách chừng 10m, ông không dám lùi xa vì sợ mất mục tiêu địch trong đêm. Ông từ từ cho máy bay hạ độ cao xuống ngang tầm máy bay địch và đưa vào vòng ngắm bằng mắt mục tiêu to bè, sấn sáng bốp có. Vừa lúc đó một luồng khí phản lực của máy bay địch phụt ra làm máy bay của ông chao đảo lật nhào. Đầu ông lác lác, đập cả vào nắp buồng lái. Ông choáng váng, không biết trạng thái của mình ra sao. Máy bay không điều khiển được, rơi xuống. Ông tưởng máy bay bị trúng đạn của địch. Nhưng rơi được một lúc, độ cao khoảng 4.000m, ông thử lái điều khiển, thì thấy máy bay vẫn bình thường. Nhớ lại hướng bay bám địch, ông tăng ga góc lên đi tìm. Quan sát lại màn ra-đa, ông phát hiện mục tiêu cách 3km. Ông tăng tốc đuổi theo và quyết định kỳ này có cơ hội là bắn liền. Và một may mắn đến, không biết có phải vì sợ va chạm vào nhau hay không, mà hai chiếc máy bay địch trước mặt bật đèn nhấp nháy thông tin với nhau. Lúc đó ông mới biết phía trước mình có hai chiếc máy bay địch. Quan sát chúng bằng ra-đa và mắt thường, Lâm Văn Lịch tăng tốc bám sát máy bay địch. Lần này ông không tăng tốc quá lớn và khi vào cự ly khoảng 600m, ông chọn một chiếc máy bay bên trái, ngắm bằng mắt giữa hai chiếc đèn đuôi và cánh máy bay địch bốp có thật dái, để máy bay địch nổ tan tác trên bầu trời. Luồng đạn đỏ rực xé màn đêm lao vào máy bay địch. Khi dừng bắn, không thấy chiếc máy bay bên trái đâu, còn chiếc bên phải đang chạy trốn, nhưng nó cũng quên tắt đèn. Ông lập tức nghiêng cánh, vòng đuôi theo. Cùng lúc đó ông nhìn thấy chiếc máy bay kia đang bốc cháy lao nhanh xuống đất. Trong lòng tăng thêm niềm tin, ông ngắm ngay chiếc máy bay thứ hai và bắn xối xả. Khoảng cách giữa hai lần bắn thực ra chỉ hơn một phút, còn trận đánh chỉ hơn hai phút. Luồng đạn đỏ rực cắm thẳng vào mục tiêu, chiếc máy bay bùng lên thành ngọn đuốc cắm đầu xuống. Cảm giác của ông lúc ấy lâng lâng, đến nỗi Sở chỉ huy thông báo có địch, báo ông quay về ngay, ông cũng không để ý, vì ông còn cuốn theo men thắng trận. Ông lượn quay lại để xem cho rõ hình ảnh hai chiếc máy bay như hai cục lửa đỏ rực rơi xuống đất, phía tây Hòa Bình. Giữa bầu trời bao la mênh mông, ông là người duy nhất nhìn thấy những chiếc máy bay địch rơi xuống đất bùng lên ngọn lửa đỏ. Đó là giây phút hạnh phúc nhất trên đời của người con đất Mũi qua bao tháng ngày rèn luyện vất vả. Ông nhớ đến Bác Hồ, nhớ lần Bác đến thăm trung đoàn Không quân tiêm kích 921 tại sân bay Nội Bài vào ngày 9-11-1964. Bác đã dừng lại hồi lâu khi nghe ông giới thiệu: "Cháu là Lâm Văn Lịch, quê ở Cà Mau". Bác đã hỏi chuyện và mong ông cùng đảng với truyền thống anh hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc, tiêu diệt nhiều máy bay Mỹ. Thế thì hôm nay, một mình ông đã chiến đấu với nhiều máy bay địch, đã dùng cảm bình tĩnh bắn rơi hai máy bay A1 của hải quân Mỹ.

Trở về với đời thường

Ngày 1-1-1967, phi công Lâm Văn Lịch được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân. Ông đã trải qua nhiều cơn va khác nhau trong quân chủng.

trung đoàn phó, trung đoàn trưởng Trung đoàn không quân 923, Hiệu trưởng Trường không quân 910, Hiệu phó Trường Trung cao không quân. Năm 1985, ông chuyển ngành về Ban tổ chức Thành ủy TP Hồ Chí Minh. Sau đó được trên tin nhiệm đưa ông sang làm Tổng Giám đốc Liên hiệp xí nghiệp Mô tô xe đạp thành phố Hồ Chí Minh. Tình hình Liên hiệp xí nghiệp này khi ông về hết sức rối ren, làm ăn thua lỗ, cán bộ tham ô, công nhân không có việc làm... Ông đã đưa cách làm ăn mới theo cơ chế thị trường vào trong Liên hiệp xí nghiệp với sự ủng hộ của Bí thư Thành ủy lúc bấy giờ là ông Nguyễn Văn Linh. Người đảng viên, chiến sĩ trở về đời thường làm kinh tế thật không đơn giản chút nào, nhiều ý kiến phản đối với cách làm mới của ông. Nhưng ông đã dũng cảm tiên phong trong liên doanh với nước ngoài. Công ty liên doanh VIKO (Việt Nam-Hồng Kông), là liên doanh đầu tiên của thành phố Hồ Chí Minh với nước ngoài, đến nay vẫn hoạt động có hiệu quả, sản xuất được các mặt hàng nông ngư cơ như cây, bừa, xới, bơm nước,... chiếm thị phần lớn ở phía Nam, phục vụ đắc lực cho ngành nông nghiệp.

Ông Lâm Văn Lịch đã nghỉ hưu từ năm 1994, nhưng vẫn tham gia cố vấn cho Công ty liên doanh VIKO. Người Anh hùng trở về đời thường vẫn giữ được phẩm chất và ý chí của người chiến sĩ cách mạng.



ĐOÀN HOÀI TRUNG

Phi công chiến đấu Nguyễn Văn Bầy

Ngày 19 tháng 02 năm 2005

Đại tá, phi công Nguyễn Văn Bầy là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đã bắn rơi 7 máy bay Mỹ. Nhưng con đường trở thành phi công chiến đấu giỏi là cả một quá trình phấn đấu gian khổ không mệt mỏi, ông có nhiều kỷ niệm gắn bó với tháng tư...

Đi bộ đội vì sợ lấy vợ



Ông Nguyễn Văn Bầy (bên trái) và phi công Đỗ Huy Hoàng ôn lại chuyện cũ

Ông Nguyễn Văn Bầy tên thật là Nguyễn Văn Hoa, sinh năm 1936, ở xã Hóa Thành, Lai Vung, tỉnh Sa Đéc. Ngày nhỏ ông bị các anh em trêu tên Hoa là tên con gái, xấu hổ quá, ông bỏ tên Hoa lấy tên thứ Bầy là tên chính thức từ đó. Tháng 4 năm 1954, ba của ông ép lấy vợ, ông "hoảng quá", vợ ôm quần áo bỏ nhà theo người bạn tên Lê, đang là bộ đội địa phương. Nửa tháng theo bạn mới được đơn vị nhận chính thức nhờ có ông anh làm xã đội trưởng bảo lãnh. Đêm đầu tiên, được giao cây súng gác đơn vị, ông sung sướng quá, ôm súng đi lại suốt đêm, gác luôn hộ bạn, mặc dù lúc đó ông chưa biết bắn súng

làm sao.

Cuối năm 1954, ông tập kết ra Bắc, được học bổ túc, tham gia các công việc của đơn vị như đóng gạch, tăng gia, chăn nuôi. Nhờ cần cù, chịu khó, ông luôn được khen thưởng vì thành tích trong lao động sản xuất. Có lần, đoàn khám tuyển phi công đến đơn vị, ông trúng tuyển, được đi học trường văn hóa Lạng Sơn. Lao động rất cừ, nhưng đi học là vấn đề hết sức khó khăn với ông. Những con chữ, những bài tính rồi mù trong đầu. Tháng 2 năm 1960, ông được cùng anh em khóa 2 sang học trường không quân số 3 Trung Quốc. Cùng đi học với ông có các phi công Trần Mạnh (đoàn trưởng), Nguyễn Phúc Trạch, Đồng Văn Đe... Nơi nước bạn, việc học tập của ông lại càng vất vả hơn, trước hết vì ngôn ngữ, sau nữa lý thuyết ngành không quân đòi hỏi trình độ cao mới tiếp thu hết được. Nhưng ông đã tìm mọi cách vượt qua, chăm chỉ học tập rèn luyện, đặc biệt là trong thực hành. Ông rất có khả năng bắt chước thầy, mọi động tác thầy dạy ông thường luyện tập thành thục, đến mức nhắm mắt lại cũng có thể chỉ từng bảng đồng hồ cao, tốc độ... Những ngày luyện tập lái máy bay YAK-18 thật vất vả với Nguyễn Văn Bầy. Ông không biết tại sao cứ ngồi lên buồng lái là buồn ói, mà ông ói thật, ói khắp sàn máy bay, ói ra cả mật xanh mật vàng. Ông cố gắng vượt qua. Nhiều bạn trong đoàn cũng bị như ông, có người không chịu được phải chuyển sang học phục vụ mặt đất. Còn ông, ông nhớ mãi lần Bác Hồ gặp cả đoàn trước khi đi học, Bác hỏi:

- Chú nào quê ở miền Nam đi học lái máy bay đợt này?

Ông cùng anh em miền Nam giơ tay. Bác Hồ động viên:

- Các chú phải cố học thành tài, để sau này thống nhất đất nước thì lái máy bay chờ Bác về thăm đồng bào miền Nam. Đồng bào thấy con em mình ra miền Bắc được ăn học thành phi công thì chắc sẽ vui mừng lắm.

Những điều Bác Hồ căn dặn, đã động viên ông phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, không phụ lòng tin yêu của Bác và của đồng bào miền Nam.

Trận đầu gặp địch

Giữa năm 1965, ông trở về nước tham gia trực ban chiến đấu, nhưng kinh nghiệm không chiến lúc này còn rất hạn chế. Ông nhớ có lần bay cùng biên đội với các phi công: Toại. Lai. Hoàng thì nghe biên đội trưởng phát hiện địch phía trước bèn hô

“bấp ngổ”. Đây là mật ngữ vút thùng dầu phụ chuẩn bị vào công kích. Ông quên mất ý nghĩa của mật ngữ, nhưng nhìn thấy máy bay đi trước quãng thùng dầu phụ, ông mới đoán ra ý nghĩa của khẩu lệnh, vội làm theo, nhưng cũng chưa nhìn thấy địch đâu. Mai đến 7 tháng 10 năm 1965, ông mới được nhìn thấy máy bay địch. Ấy là lần ông bay biên đội Quyên, Huyền, Bấy, Chao lên khu Yên Thế, độ cao 3.000 mét. Biên đội trưởng Quyên thấy 2 chiếc máy bay F105, vội xin trên cho vào công kích. Ông nhìn thấy 2 thùng địch trước mặt, vội thả thùng dầu phụ tăng tốc nghiêng cánh máy bay định yểm trợ đồng đội. Nhờ nghiêng cánh ông phát hiện thấy quả tên lửa ở phía sau mình do một máy bay khác của địch bám đuôi bắn, ông vội cua gấp máy bay tránh. Quả tên lửa đến quá gần, nổ chói tai phía bên phải. Máy bay bị sức ép, lật ngược, một mảnh đạn bắn vào nắp buồng lái làm thủng một lỗ. Ông choáng váng, biết máy bay bị thương, nhưng vẫn cố ghi cần lái, lật ngược máy bay lại. Ông lập tức lấy tay bịt lỗ thủng nắp buồng lái, thì thấy lực hút ra rất mạnh, ông vội rút tay lại. Nhìn ra phía ngoài chiếc máy bay địch to bè bay sạt qua đầu, ông định đuổi theo, nhưng máy bay của ông lúc này điều khiển rất khó khăn, hơn nữa tốc độ máy bay MiG-17 thấp bằng nửa máy bay địch, không thể đuổi kịp. Ông nhìn ra phía cánh thấy rất nhiều vết đạn lỗ chỗ. Máy bay mất thăng bằng, chao đảo, Nguyễn Văn Bấy vội xin phép hạ cánh. Địch lúc ấy đang tập trung đánh sân bay Kép, ông đã bay về Nội Bài hạ cánh an toàn. Mọi người ùa ra đón, có cả các chuyên gia Liên Xô. Khi nhìn thấy chiếc máy bay của ông te tua, trên mình đếm ra đúng 84 lỗ thủng, các chuyên gia phát biểu: “Chúng tôi bây giờ mới thấy chiếc máy bay ở tình trạng bị thương nặng như thế này mà hạ cánh an toàn. Phi công Việt Nam giỏi quá!”. Trận này ông được trên thưởng huân chương Chiến công hạng 2. Trong trận đánh ngày 4 tháng 4 năm 1965, phi công Trần Hanh đã đúc rút kinh nghiệm, máy bay địch có tên lửa chưa chắc bắn được ta, nếu có bắn thì chưa chắc đã trúng, ta có thể né được.

Đám cưới và chiến công đầu trong tháng 4

Đám cưới của ông với bà Trần Thị Niên, cũng đồng hương Sa Đéc là đám cưới lính chiến trường, chỉ trong vòng 15 phút là xong. Tháng 4 năm 1966, ông đang trực ban chiến đấu ở sân bay Kép, thì bà Niên học xong trung cấp tài chính ở Hà Nội, thế là ông xin phép đơn vị cho bà xuống để làm lễ thành hôn. Một mình bà đi xe xuống, không có đại diện nhà gái cũng như cơ quan. Bà xuống, thì ông còn trực chiến ngoài đường băng, anh em cơ quan chính trị trung đoàn phải đưa bà ra địa phương làm giấy đăng ký kết hôn giúp ông. Ông nhớ, lúc ấy ông có đưa 10 đồng cho nhà bếp mua bánh, kẹo và 10 đồng mua một tút thuốc là Thăng Long, còn chè xanh là xin của dân. Buổi chiều rút ban, ông mới nói mọi người: “Tối nay mình cưới vợ, các cậu qua chơi nghen!”. Vào buổi lễ, Trung đoàn phó Đào Công Xường làm chủ hôn, đại diện cho nhà trai, còn Tham mưu phó Chu Tất Bộ thì phải đóng giả đại diện nhà gái để tiện thừa gửi hai bên. Anh em ngồi quây quần với nhau bên nồi chè xanh nghi ngút khói. Chưa kịp hút xong điếu thuốc, thì có điện của trên chuẩn bị một biên đội cơ động ngay về Nội Bài. Thế là tiệc cưới giải tán, tất cả lại khẩn trương chuẩn bị lên đường.

Sau bảy ngày cưới, ngày 26 tháng 4 năm 1966, biên đội của ông gồm Chung, Tân, Bấy, Mẫn đang hoạt động ở vùng trời Vô Nhai (Bắc Thái), thì phát hiện máy bay địch ở thế có lợi đang bám đuôi hai máy bay của Chung và Mẫn trong biên đội. Ông và Tân đã dũng cảm, nhanh chóng, bất ngờ lao thẳng vào giữa đội hình máy bay địch, làm chúng hoảng tháo chạy. Ông bình tĩnh bám chắc một chiếc, tới cự ly có hiệu quả đã nổ súng, máy bay địch lặn xuống tránh đạn. Ông cho máy bay lật theo và bồi một loạt đạn nữa, máy bay địch bốc cháy rơi tại chỗ. Trong trận này biên đội bắn rơi 2 phản lực Mỹ, bắn bị thương một chiếc khác và hạ cánh an toàn.

Trận đánh mà ông nhớ nhất là trận ngày 5 tháng 9 năm 1966. Hôm ấy, ông cùng phi công Võ Văn Mẫn, quê ở Ba Tri, Bến Tre được phân công trực chiến sân bay Gia Lâm. Khoảng 4 giờ chiều, địch cho máy bay Hải quân vào cầu Giẽ, 2 máy bay ta được lệnh cất cánh. Nhưng khi bay vào khu vực thì địch đã rút. Lúc này mặt đất phát hiện một tốp máy bay địch khác vào Phủ Lý, lập tức sở chỉ huy dẫn hai máy bay ta vào không chiến. Cách địch 15km, ông đã phát hiện mục tiêu như hai chấm đen trước mặt. Còn cách 5km, ông ra lệnh cho số 2 thả thùng dầu phụ, tăng tốc đối đầu máy bay địch. Thấu khí thế hùng dũng của ta, hai máy bay địch hoảng loạn vờn nhai lợi duno đám

máy chạy trốn. Ông Bảy thấy vậy thăm tính toán, nếu bám đuôi địch thì khó đuổi kịp được, vì tốc độ địch nhanh hơn, ông quyết định bay cắt đón đường. Ông hô: "Số 2 theo tôi". Quả nhiên bay một hồi thì hai chiếc máy bay địch, bọn chúng thần hồn nát thần tính, vừa bay vừa làm động tác uốn éo để tránh đạn của ta, chính vì thế má bị hạn chế tốc độ. Ông bám ngay chiếc thứ 2 cách khoảng 250 mét xả súng vào buồng lái địch, tên phi công trúng đạn chết tại chỗ, mảnh mé ca văng ra, nhiều mảnh chui theo luồng gió hút cả vào máy bay ông Mẫn. Ông lách ra, ra lệnh cho số 2 vào công kích. Phi công Vô Văn Mẫn bám ngay chiếc máy bay số 1 của địch và nổ súng tấn công. Chiếc máy bay trúng đạn, phi công địch nhảy dù. Hai ông sung sướng trở về hạ cánh. Sở chỉ huy nhắc chú ý địch bám đằng sau. Ông Bảy nói vào micrô: "Địch chỉ có 2 thằng, bị bắn ráo trời rồi còn đâu nữa". Tối ấy, Quân chủng báo cáo lên Bộ Quốc phòng, Bộ báo cáo Bác Hồ. Bác có hỏi xem hai đồng chí phi công tên gì, quê ở đâu. Biết là cả hai cùng phi công người miền Nam, Bác vui lắm và gửi tặng ngay hai huy hiệu của Người.

Trận đánh ngày 24 tháng 4 năm 1967 cũng là trận đánh đáng nhớ của biên đội trưởng Nguyễn Văn Bảy. Trước đó 2 ngày, địch đã đánh phá sân bay Kiến An, nhằm chuẩn bị cho một đợt đánh phá Hải Phòng. Chỉ trong vòng một đêm, nhân dân và bộ đội ta đã vá kịp thời hàng chục lỗ bom trên sân bay. Chiều 23 tháng 4, biên đội Bảy, Bôn, Hôn, Địch chuyển từ Gia Lâm xuống sân bay Kiến An. Sáng hôm sau, biên đội cất cánh. Vừa tới độ cao 1.500 mét đã nhìn thấy máy bay địch như ruồi bay từng bầy trước mặt. Nguyễn Văn Bảy quyết định cho biên đội lao vào giữa đội hình địch. Ông hô lớn: "Tất cả theo tôi" rồi xông vào trận. Máy bay địch thấy MiG-17 của ta thì hoảng sợ, máy bay cường kích ném bom lung tung tháo chạy, còn bọn tiêm kích thì tìm cách bắn tên lửa. Ông Bảy có kinh nghiệm, khi nhìn thấy máy bay địch trước mặt đeo tên lửa, không hoảng hốt má quan sát kỹ thấy tên lửa địch rơi ra khỏi cánh xịt khói là ông biết nó bắn, lập tức ông ngoặt gấp tránh để tên lửa địch sượt sang bên. Khi bay chiến đấu phần quan sát phía trước, phần quan sát sau lưng, vì thằng địch bám đuôi là ta dễ bị tiêu diệt. Máy bay của địch to xác hơn máy bay ta, tốc độ lớn hơn, nên độ cơ động không linh hoạt bằng. Nếu địch chấp nhận không chiến là máy bay MiG-17 rất có lợi thế cơ động bán kính vòng lại nhỏ hơn, nhanh hơn so với máy bay địch. Trận này tuy ông không bắn rơi được chiếc nào, nhưng biên đội bắn rơi 2 chiếc máy bay của địch, phá tan ý đồ đánh phá Hải Phòng của chúng. Bí thư thành ủy Hải Phòng gửi tặng cho biên đội 1 chiếc đài hiệu "Mẫu Đơn" của Trung Quốc.

Nhớ mãi những lần gặp Bác Hồ

Tháng 4 năm 1967, ông được bầu vào Quốc hội khóa 3 và được vào đoàn Chủ tịch trong các kỳ họp Quốc hội. Đây cũng là niềm vinh dự cho ông và nhớ đó ông rất nhiều lần được gặp Bác Hồ. Ấy là những lần chuẩn bị họp Quốc hội, bao giờ Đoàn Chủ tịch có hội ý trước, Bác Hồ thường đến tham dự cùng. Ông có một câu chuyện muốn kể cho Bác nghe. Chẳng là trước khi tập kết ra Bắc, ông có cùng đơn vị đi làm cỏ, sửa sang lại mộ cho cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Cao Lãnh.

Phi công Nguyễn Văn Bảy tham gia tất cả 13 trận đánh, bắn rơi 7 máy bay Mỹ và chưa một lần nào bị địch bắn cháy máy bay phải nhảy dù. Ông đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, được 7 huy hiệu của Bác Hồ, và một đồng hồ đeo tay do Bác Hồ tặng. Ông đã trải qua nhiều cương vị khác nhau trong Quân chủng Phòng không-Không quân như: Trung đoàn trưởng Trung đoàn Không quân 927, Phó tư lệnh Sư đoàn không quân 372, Sư đoàn trưởng Sư đoàn Không quân 376, Phó tham mưu trưởng Quân chủng Không quân. Ông nghỉ hưu tháng 12 năm 1989, tham gia Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay ông vẫn là Trưởng ban liên lạc Hội cựu chiến binh Không quân tại thành phố Hồ Chí Minh.

Người anh hùng thầm lặng

Ngày 27 tháng 02 năm 2005

Trong quyển sách những đơn vị anh hùng và cá nhân anh hùng của Quân chủng Phòng không-Không quân không có tên ông Nguyễn Tường Long, nhưng những chiến công của ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân gắn liền với quân chủng. Hiện nay, ông sống ở quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, không gia đình, không vợ con...

Ông quê ở Long Xuyên, nhưng sinh ra tại Lyon, nước Pháp trong gia đình lao động. Cha mẹ ông sang Pháp từ năm 1914 làm công nhân kỹ thuật cầu đường. Ông tốt nghiệp tú tài Pháp năm 1942, thích văn chương, nhưng nghe theo lời cha theo học đại học ngành kỹ thuật cơ khí. Tháng 9-1944, ông đang học năm thứ ba, thì cha khuyên ông về Việt Nam để tìm bằng được Nguyễn Ái Quốc để tham gia cách mạng giúp ích cho nước nhà.

Ông đã theo lời cha dặn trở thành Bộ đội Cụ Hồ, nhưng phải mãi ngày 2-2 -1960, ông mới được gặp và nói chuyện với Bác Hồ. Trưa hôm ấy ông đang bảo dưỡng kỹ thuật máy bay thì Bác Hồ đến. Bác hỏi:

- Các chú đang làm gì đây ?

Ông trả lời:

- Chúng cháu đang chuẩn bị máy bay cho Bác đi công tác.

Bác vui vẻ bảo:

- Hôm nay Bác đi đón khách thôi. Trưa rồi các chú đi ăn cơm đi.

Chỉ 15 phút sau, có chiếc máy bay của Hồng Kông đến, Bác Hồ ra đón gia đình luật sư Lô-dơ-bai sang đón xuân Canh Tý cùng Bác.

Nguyễn Tường Long là người có nhiều sáng kiến, cải tiến độc đáo trong ngành kỹ thuật hàng không, góp phần cho chiến thắng của không quân ta trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ. Điển hình như tháng 7-1959, ta dùng máy bay vận tải tiếp tế hàng cho bộ đội mở đường Trường Sơn vào Nam. Lúc đầu bán sập lao hàng trên máy bay giá chót giạt bằng tay do một cơ giới trên không đảm nhiệm. Làm phương án này, hàng có khi bị chậm, tản mát không trúng vị trí cần thả. Ông Nguyễn Tường Long đã thiết kế bộ rơ le điện tử có lực kéo 20kg lắp chỗ chót giải, truyền dây điện và nút bấm đến cần lái của lái chính, để phi công trực tiếp điều khiển. Như vậy hàng thả chính xác hơn.

Vời những chiến công đặc biệt xuất sắc, ông được Đảng và nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1995.

Tôi đến thăm nhà ông Nguyễn Tường Long ở phố Nguyễn Thái Bình. Căn nhà cấp 4 với những đồ đạc đơn sơ: một chiếc giường con, một bộ bàn ghế và một chiếc tủ cá nhân. Cuộc chiến đấu đã cuốn ông vào công việc không nghĩ đến chuyện gia đình. Ở tuổi 82, sức khỏe ông không được tốt, nhưng ông vẫn rất lạc quan yêu đời.

Từ nước Pháp trở về, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tường Long đã dâng hiến tuổi thanh xuân cho đất nước vì sự nghiệp giải phóng và thống nhất nước nhà.

Chuyển máy bay vận tải sang chiến đấu

Ngày 25 tháng 03 năm 2005

Khoảng giữa năm 1962, quân đội ta được trang bị các loại máy bay vận tải IL-14, Li-22, An-2 và trực thăng Mi-4 do Liên Xô viện trợ. Trước nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu ngày càng khẩn trương, Bộ Quốc phòng đã chỉ thị Cục Không quân nghiên cứu, sử dụng các loại máy bay vận tải trên sang làm nhiệm vụ chiến đấu.

Cục Không quân đã giao cho lực lượng kỹ thuật, trong đó có đại đội kỹ thuật trung đoàn 919 tiến hành nghiên cứu cải tiến các loại máy bay IL-14, Li-22 và An-2 mang bom, đạn để tiến công các mục tiêu mặt đất, mặt nước. Tham gia cải tiến máy bay còn có lực lượng kỹ thuật nhà máy Z2, Cục Quân giới, xưởng đại tu máy bay Bạch Mai và kho C21 của trung đoàn 919.

Việc cải tiến máy bay bao gồm: Lắp dàn phóng thả đạn cối 120mm lên máy bay An-2, Mi-4, Li-2 và IL-14; lắp thùng róc-kết cho máy bay An-2; lắp dàn treo bom lên máy bay IL-14 và An-2. Phương án thiết kế dàn đạn cối là khoét bụng máy bay và lắp giá treo đạn cối. Đây là hệ thống các ống chứa đạn được gò bằng tôn, mỗi ống đựng một quả đạn, phía dưới ống có nắp đỡ quả đạn và chốt bảo hiểm. Khi phóng thả chỉ ấn cần điều khiển, các chốt bảo hiểm được rút ra, nắp đỡ mở cho đạn rơi xuống. Nhà máy Z2 đã cải tiến hàng trăm quả đạn cối 120mm bằng cách lắp ngòi bom thay cho ngòi đạn cối. Việc lắp giá bom cho máy bay Li-2 phải làm mới toàn bộ. Còn việc lắp giá bom lên máy bay IL-14 thuận lợi hơn vì dưới bụng và hai cánh máy bay đã có sẵn vị trí gá lắp, trên bảng điều khiển trong buồng lái đã có sẵn hệ thống ấn nút thả bom. Việc lắp các thùng róc-kết lên máy bay An-2 cũng có nhiều thuận lợi. Lực lượng nghiên cứu kỹ thuật chỉ cần cải tiến, lắp bổ sung bộ điều khiển bắn PUS-36D và điều chỉnh nhịp bắn cho phù hợp. Máy bay An-2 đã có sẵn hai dàn phóng róc-kết loại 4 quả mỗi dàn, khi cải tiến, ta lắp loại thùng 16 quả lên giá của thùng 4 quả.

Sau khi nghiên cứu, lắp đặt thử nghiệm, đầu năm 1966, Quân chủng Phóng không-Không quân đã đưa máy bay cải tiến mang vũ khí thật bay kiểm tra và thực hành chiến đấu thử nghiệm. Kết quả, các máy bay chiến đấu cải tiến đã thỏa mãn các yêu cầu chiến thuật, kỹ thuật đề ra. Sau đó, từ năm 1966 đến 1968, không quân ta đã sử dụng máy bay vận tải cải tiến thành máy bay chiến đấu cải tiến thực hiện tác chiến chống tàu và các cứ điểm ra-đa của Mỹ. Kết quả, máy bay chiến đấu cải tiến đã tiêu diệt được nhiều tàu địch trên vùng biển Thanh Hóa, Cửa Việt và trên chiến trường nước bạn Lào năm 1968. Từ sáng kiến cải tiến máy bay vận tải, sau này không quân ta đã cải tiến máy bay vận tải C-130 thu được của Mỹ thành máy bay ném bom, chiến đấu rất hiệu quả.

Quan Doi Nhan Dan, 12 April 2005, accessed 6 May 2005 at
http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=44293&subject=11

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Nguồn chi viện to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa (phần 2)

Ngày 12 tháng 04 năm 2005

Phân loại	Đơn vị tính	Liên Xô	Trung Quốc	Các nước XHCN khác
Súng bộ binh	khẩu	439.198	2.227.677	942.988
Súng chống tăng	khẩu	5.630	43.584	16.412
Súng cối các loại	khẩu	1.076	24.134	2.759
Pháo hỏa tiễn	khẩu	1.877	290	
Pháo mặt đất	khẩu	789	1.376	263
Pháo cao xạ	khẩu		3.229	614
Bộ điều khiển	bộ	647		
Bệ phóng tên lửa	chiếc	1.357		
Đạn tên lửa	quả	10.169		
Tên lửa SA 75M	quả	23		
Đạn tên lửa VT 50v	quả	8.686		
Tên lửa Hồng Kỳ	e		1 trung đoàn	
Tên lửa S125	e	2 trung đoàn		
Đạn tên lửa K681	quả	480	480	
Máy bay chiến đấu	chiếc	316	142	
Tàu chiến hải quân	chiếc	52	30	
Tàu vận tải hải quân	chiếc	21	127	
Xe tăng các loại	chiếc	687	552	10
Xe vỏ thép	chiếc	601	360	
Xe xích kéo pháo	chiếc	1.332	322	758
Xe chuyên dùng	chiếc	498	6.524	2.502
Phao cầu	bộ	12	15	13
Xe máy công trình	chiếc	100	3.430	650
Ông dẫn dầu	bộ	56	11	45
Thiết bị toán bộ	bộ	37	36	3

... Thành quả của cách mạng Việt Nam trong xây dựng đất nước, trong chiến tranh giải phóng Tổ quốc không tách rời sự ủng hộ, giúp đỡ trên tinh thần quốc tế vô sản của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc. Sự ủng hộ, giúp đỡ có hiệu quả đó của các nước trong phe XHCN nói riêng, của bầu bạn khắp nơi trên thế giới nói chung bắt nguồn từ tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến, từ đường lối, chính sách ngoại giao, đường lối quốc tế đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, với ảnh hưởng và uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi của chính sách ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh là thắng lợi của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; của chính sách ngoại giao trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, mềm dẻo, có tình, có lý. Chính vì vậy, ở vào thời điểm hai nước Liên Xô và Trung Quốc xảy ra những bất đồng quan điểm, vào lúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam được Mỹ đẩy lên tới mức cao nhất, thì sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc cho cách mạng nước ta vẫn được bảo đảm.

SỐ 5: SÁNG MÃI PHẨM CHẤT BỘ ĐỘI CỤ HỒ

Hềng Bô-rin trở về

Tình hình nửa năm đầu giải phóng, ở các tỉnh miền đông Cam-pu-chia còn nhiều diễn biến phức tạp. Quân tình nguyện Việt Nam ta ngoài việc giúp đỡ và phối hợp với quân cách mạng Cam-pu-chia truy quét tàn quân Pôn Pốt, cứu đói, giúp dân, làm nhà dựng cửa và giúp dân ổn định sản xuất. Các phe nhóm phản động như bọn "Voi trắng ngà xanh" ở vùng Rô-mi-hét (Svoai Rieng), "Linh hồn dân tộc Khơ-me" ở Cam-chi-nia (Prây Veng), "Cô gái tóc dài" ở bắc Kông- pông Châm. Bên cạnh đó, ở Stung T'rong, còn một nhóm cán bộ, chiến sĩ của vùng 21 ly khai chống Pôn Pốt từ thời kỳ quân khu 203 (miền đông Cam-pu-chia) nổi dậy đến nay, vẫn còn hoạt động độc lập, chưa chịu thống nhất vào lực lượng chính phủ cách mạng, do Hềng Bô-rin cầm đầu.

Hềng Bô-rin nguyên là huyện đội trưởng dưới chế độ Pôn Pốt. Trong kháng chiến chống Mỹ anh là cán bộ đại đội, chân trái anh bị thương, vết thương đã lành nhưng không đứng vững, vẫn bị chân cao, chân thấp. Tính tình anh thẳng thắn, cương trực. Là một trong những cán bộ nằm trong danh sách "sổ đen" thanh trừ của cái gọi là Ăng-ka, anh đã hưởng ứng cuộc nổi dậy của quân khu 203, kéo lực lượng thoát ra rừng, dựa vào dân ly khai chống Pôn Pốt. Do chưa hiểu hết tinh thần trong sáng vô tư của quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc tiến quân vào giúp giải phóng Cam-pu-chia và chưa hiểu rõ ý nghĩa của việc ban vận động xây dựng lại đảng cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia đã bị Pôn Pốt phá hoại 3 năm 8 tháng 20 ngày nên anh do dự, chưa chịu thống nhất với chính phủ mới.

Trước tình hình này, Thiếu tướng Nguyễn Minh Châu (chúng tôi thường gọi bằng cái tên thân mật: Anh Năm Ngá, là Phó Tư lệnh Quân khu 7, phụ trách chỉ huy lực lượng tiền phương) thường bảo: đối với các nhóm chính trị phản động, ta lấy vận động thuyết phục họ là chủ yếu, dùng hành động chính nghĩa của ta cảm hóa họ. Việc phải dùng biện pháp quân sự chỉ là bất đắc dĩ. Riêng với lực lượng Hềng Bô-rin, chủ trương nhất quán của anh là chỉ có thuyết phục và kiên trì thuyết phục. Hồi ở quân khu 6, là Tư lệnh Quân khu nhưng mỗi trận chiến đấu lớn, mỗi chiến dịch anh đều đi sát từng đơn vị, kiểm tra kế hoạch, phương án tác chiến từng chi tiết nhỏ, trực tiếp động viên chiến sĩ. Lần này cũng vậy, anh đi tìm gặp những người đứng đầu lực lượng ấy ở Tà Bông Khmum, ở Kông-pông Châm và cử anh Hai Cửu lên tận Stung T'rong để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng và khó khăn của họ. Cuối cùng, anh quyết định

đến tận nơi, để gặp ban chỉ huy lực lượng Hêng Bô-rin.

Được tin anh Năm Ngà, người chỉ huy cao nhất của quân tình nguyện tại đây đến đại bản doanh của mình, Hêng Bô-rin ra lệnh lực lượng mình triển khai đề phòng bất trắc, nhưng chỉ được hành động khi có lệnh trực tiếp của Hêng Bô-rin, không ai được manh động.

Đoàn xe đưa Thiếu tướng Năm Ngà đến Trung Trơng với tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao, nếu lực lượng Hêng Bô-rin hành động, họ lập tức nổ súng tiêu diệt. Nhưng với tác phong bình tĩnh, anh Năm dặn cán bộ, chiến sĩ phải tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh của anh, không được ai tùy tiện. Đối với Hêng Bô-rin, anh Năm Ngà không coi họ là kẻ thù, nhưng lực lượng của họ cũng đáng gờm. Tất cả gần nghìn người, nếu tồn tại lâu ngày họ sẽ trở thành gánh nặng của dân và sự thiếu thốn của họ lâu ngày sẽ dẫn đến đội quân thổ phỉ, hoặc sẽ chạy đến phía Srây-ka, Pôn Pốt, trở thành lực lượng phản động, chống lại nhân dân. Phải cứu lấy họ, đưa họ đi đúng con đường chính nghĩa mà họ đã từng theo đuổi từ cuộc nổi dậy tháng 5-1978.

Đến cổng đại bản doanh của Hêng Bô-rin, anh ra lệnh đoàn xe dừng lại. Từ trên xe thiết giáp bước xuống, anh ra lệnh tất cả bộ đội ở ngoài, chỉ có anh Hai Cửu, cán bộ của phòng bảo vệ, và đồng chí phiến dịch đi với anh vào trong. Tất cả không đem theo vũ khí. Cán bộ, chiến sĩ ở bên ngoài hồi hộp, lo cho thủ trưởng của mình.

Trước thái độ ung dung của anh Năm Ngà, bất giác Hêng Bô-rin cúi đầu, chấp tay chào anh Năm Ngà. Các cán bộ của Hêng Bô-rin làm theo. Với tư cách người đứng đầu quân tình nguyện Việt Nam trong khu vực, bằng lời lẽ vừa kiên quyết vừa mềm dẻo, anh nói cho họ rõ việc cứu nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi thảm họa diệt chủng và trụ lại ở đất nước Cam-pu-chia để giúp nhân dân và chính quyền cách mạng xây dựng đất nước và ngăn chặn sự trở lại của Pôn Pốt là nghĩa vụ quốc tế của quân đội nước láng giềng anh em, đã nhiều lần cùng chống quân thù xâm lược. Anh nói cho họ rõ lòng yêu nước thương dân của đảng và nhà nước Cam-pu-chia hiện nay, dù mang bất cứ tên gì nhưng đó là một đảng, một nhà nước hết lòng vì dân tộc mình, đất nước mình. Sự hợp tác với chính phủ hiện nay của Cam-pu-chia là việc làm chính nghĩa mà bất cứ một người cách mạng chân chính nào của Cam-pu-chia không thể bỏ qua.

Anh nói: "Tôi vào đây với bàn tay không, không người lính bảo vệ, bởi tôi biết các bạn trẻ là những người chân chính và tôi đi vì một lý do "chính nghĩa", tôi không ngại bất cứ một hiểm nguy nào. Biết các bạn đang khó khăn về lương thực, quân tình nguyện Việt Nam sẵn sàng giúp đỡ nếu các bạn cần".

- Bác ơi! Chúng cháu sẽ nghe lời bác. Hêng Bô-rin chạy lại sà vào lòng anh Năm Ngà.

Sau cuộc gặp, Hêng Bô-rin và cán bộ của mình đến tỉnh

Kông-pông Chàm đề nghị báo cáo với chính phủ trung ương. Anh giao lại toàn bộ lực lượng vào quân cách mạng Cam-pu-chia. Pon Kin, một cánh tay đắc lực của Hêng Bô-rin tình nguyện xin làm con nuôi Năm Ngà. Anh thường đến thăm cha tại nhà riêng ở thành phố Hồ Chí Minh. Cả Hêng Bô-rin và Pon Kin về sau đều là tướng lĩnh của Cam-pu-chia.

Phạm Xuân Trường ghi

SỐ 5: SÁNG MÃI PHẨM CHẤT BỘ ĐỘI CỤ HỒ

"Trung đoàn tuổi 30-4" năm ấy...

PHÚC THÀNH

Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, ta thu được rất nhiều vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại của địch, trong đó có cả hàng trăm máy bay các loại. Năm ấy, đường xe lửa chưa thông suốt, đường ô tô chưa đáp ứng đủ, nhu cầu chuyên chở quân đội và hàng hoá quân sự từ Bắc vào Nam và ngược lại rất lớn và khẩn trương. Thêm vào đó, phía biên giới tây nam, tàn quân nguy và Fulro, cấu kết với các băng nhóm phản động vẫn tụ tập quấy phá, ta rất cần những chiếc máy bay chiến đấu loại nhỏ, dễ len lách trinh sát, săn tìm trên địa hình rừng núi để tiêu diệt chúng... Trung đoàn 18 vận tải quân sự ra đời trong bối cảnh ấy và được thành lập ngay sau ngày giải phóng tại Tân Sơn Nhất, nên bà con ở thành phố mang tên Bác cứ gọi là "Trung đoàn tuổi 30 tháng 4"...

Những năm ấy, tôi được báo Quân đội nhân dân cử vào thành phố mới giải phóng để viết về làm chủ trang bị kỹ thuật thu được của địch và bảo vệ an ninh xã hội của bộ đội ta, nên thường xuyên qua lại với trung đoàn. Đơn vị lớn mạnh nhanh lắm, mỗi lần trở lại, tôi thấy khác trước nhiều, đến nỗi tôi phải thốt lên: "Quá là những cánh bay Phù Đổng"...

Ngày đầu thành lập, cả chỉ huy, phi công, thợ máy, toàn trung đoàn chỉ có 37 người. Vậy mà chỉ sau 6 tháng nghiên cứu, huấn luyện bay chuyển loại và phát triển lực lượng, các anh đã làm chủ 6 loại máy bay thu được của Mỹ-ngụy: C130, C119, C47, C7A, ĐC4, ĐC6, với đội ngũ khá hùng hậu: 15 tổ bay và 100 thợ máy, đến tháng thứ 7 đã có thể tham gia vào bay thực hiện các nhiệm vụ vận chuyển và chiến đấu. Việc học tập không dừng lại ở đây. Năm 1979, yêu cầu mới đặt ra, trung đoàn lại bước vào đợt bay huấn luyện chuyển loại lần thứ 2 sang máy bay AN26 của Liên Xô, và cũng chỉ sau 4 tháng, các anh đã đào tạo được 7 tổ bay cho loại máy bay này. Những năm tiếp theo, vừa thực hiện nhiệm vụ, vừa xen kẽ huấn luyện, trung đoàn vẫn nâng được số tổ bay lên nhanh chóng, tới năm 1985, đã có 40 tổ bay cho loại AN26 này. Cùng với sự lớn lên về lực lượng, về năng lực tổ chức chỉ huy, trình độ kỹ thuật bay với kỹ năng kỹ xảo của phi công và chuyên môn kỹ thuật của các cán bộ và thợ máy cũng trưởng thành. Nhiều đồng chí lái được 2, 3 loại máy bay, có người lái tới 4, 5 loại; nhiều anh em từ phi công cấp 3, đã vươn tới phi công cấp 1, có thể bay được trong mọi điều kiện thời tiết phức tạp cả ban ngày và ban đêm. Những

năm ấy, Đại tá-trung đoàn trưởng Nguyễn Xuân Hiến (nay là Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam) và các anh Nguyễn Văn Nhượng, Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Thành Trung, Phạm Hữu Hùng, Nguyễn Như Nghi, Mai Chí Lưu, Đoàn Hồng Quân, Nguyễn Hồng Hải, Trần Văn Quang, Nguyễn Văn Cao, Đặng Văn Lự, Duy Vận, Nguyễn Văn Hiến, Đức Anh, Cao Phúc... là những cánh bay giỏi, những cánh bay đầu đàn trong huấn luyện, vận tải, cũng như trong chiến đấu. Các anh bảo yêu cầu của không quân phải như thế, khắc nghiệt lắm, phi công giỏi, thợ máy cũng phải giỏi, mà đã giỏi, mới làm chủ được máy bay, làm chủ được kỹ thuật, làm chủ được bầu trời, làm chủ được mọi tình thế để đánh thắng, và như thế, cũng là làm chủ được an toàn bay...

Có nhiều người lái và thợ máy giỏi, có cả một tập thể đoàn kết, kỷ luật, say mê học tập và công tác, nên những năm ấy, trung đoàn 18 luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cấp trên giao. Trong nhật ký vận chuyển của đơn vị còn ghi lại: Càng những năm sau, cường độ vận chuyển càng lớn. Có năm-như năm 1984, khối lượng chuyên chở gấp 6 lần cả hai năm 1979, 1980. Chỉ tính đến giữa năm 1984, toàn trung đoàn đã bay tới 31.298 lần chiếc cho nhiệm vụ vận chuyển, chở 147.487 người và 37.215 tấn hàng. Nhưng đây chỉ là những chuyến bay chở người, chở hàng đơn giản, chiến đấu mới là nhiệm vụ trung tâm, hàng đầu của trung đoàn thời điểm này. Những năm ấy, ở biên giới tây nam, tàn quân ngụy và Fulro còn ẩn náu, cướp phá; nghĩa vụ quốc tế trước nạn diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt - lêng-xa-ri trên đất Cam-pu-chia cũng được đặt ra cho quân đội ta, trong đó có trung đoàn 18. Muốn đánh thắng địch thì phải tập luyện. Nhiều anh em đã từng "không chiến" với máy bay Mỹ khi chúng ra ném bom miền Bắc, song giờ đây, vẫn như phải học lại từ đầu cách sử dụng súng đạn, nhất là những vũ khí đặc thù trên máy bay vận tải, và đánh với kẻ thù dưới mặt đất... Tiếp đến là học từ "động tác chiến đấu cá nhân" nhỏ lẻ, đến tác chiến trong đội hình đồng, cường độ lớn, với nhiều cách đánh, trên nhiều địa hình và tình huống phức tạp. Ngày ấy, nhiều cán bộ ở Bộ Tổng tham mưu và Bộ tư lệnh Quân chủng Không quân luôn có mặt ở trung đoàn. Các anh hướng dẫn luyện tập cơ bản, rồi tổ chức các đợt diễn tập theo phương án chiến đấu trên thực địa. 5 lần diễn tập, thì cả 5 lần trung đoàn đều đạt khá, giỏi. Những trận chiến đấu tiếp ngay sau đó. Trận đầu tiên, anh Nguyễn Xuân Hiến trực tiếp chỉ huy. Cũng như ở bộ binh, phải trinh sát nắm chắc địch, anh lên một chiếc máy bay bay tới trận địa. Từ trên cao, anh nhận rõ các mục tiêu nằm bên một con sông gấp khúc, rất nhiều mái lều mới dựng, và nhiều đường mòn từ các vạt rừng dòn lại, chứng tỏ địch tập trung ở đây khá đông-anh khẳng định vậy. Trở về căn cứ, sau khi phân tích địa hình, triển khai phương án tác chiến, anh nhận tiêu diệt mục tiêu 2, anh Nguyễn Thành Trung tiêu diệt mục tiêu 3. Ngay chiều hôm đó, 4 biên đội với 12 chiếc máy bay xuất kích. Anh dẫn 2 biên đội đầu, các biên đội sau do anh Minh, anh Ngữ phụ trách. Tới vùng địch thì một tình huống xảy ra: Bên một số mục tiêu có nhiều dân chúng đang đi qua và máy mù kéo đến che khuất vùng địch đóng. Anh vội truyền đi một mệnh lệnh: "Bất kỳ giá nào cũng phải bảo đảm an toàn cho dân" và anh phải bay vòng lần thứ hai mới hạ lệnh được cho biên đội mình "phóng pháo", còn biên đội của Tham mưu trưởng Nguyễn Hồng Sơn phải bay vòng lại lần thứ 3 mới đánh được. Anh lại gọi cho Nguyễn Thành Trung: "Nếu dân vẫn

chưa đi qua mục tiêu 3, thì quay sang đánh mục tiêu 1". Một tiếng đáp lại: "Anh yên tâm" và Nguyễn Thành Trung kiên trì bay đến vòng thứ 4 thì diệt được mục tiêu 3 của địch khi đồng bào đã cách xa nơi bom nổ... Từ trận đầu đánh thắng, nhiều kíp chiến đấu sau đã xuất quân và hoán thành tốt nhiệm vụ, mặc dầu cũng phải xử trí nhiều tình huống khác nhau, phải bay không có người bảo vệ, không có đội hình lớn, nhiều khi còn bay đêm, chỉ có một mình, đánh xong, lại tự xác định lấy đường về...

Những năm ấy, thực hiện nghiêm túc chỉ thị "Thu hồi, quản lý, sử dụng tốt các cơ sở vật chất kỹ thuật lấy được của địch" của Quân ủy Trung ương, trung đoàn 18 vận tải quân sự "trung đoàn tuổi 30-4" như bà con miền Nam thân thiết đặt cho - là như vậy. Niềm vui đất nước thống nhất, Bắc-Nam liền một dải, đã cho các anh sức mạnh đó. Sự nỗ lực này đã được Đảng, Nhà nước và Quân đội ghi công: Trung đoàn mới 4 tuổi, 28 tập thể và cả nhân đã được tặng thưởng huân chương Chiến công và tròn 10 tuổi, đã được phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Số 3: Vì miền Nam ruột thịt

Từ hai chiếc máy bay của Bảo Đại

NGUYỄN TƯỜNG

Được Bác Hồ chuẩn y, tháng 3-1949, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký quyết định thành lập Ban nghiên cứu không quân Việt Nam. Đồng chí Hà Đổng được giao trách nhiệm làm Trưởng ban. Trong số cán bộ đầu tiên của Ban nghiên cứu, ngoài một số cán bộ Việt Nam, một số người quốc tịch Đức, Áo... trong đó có Nguyễn Đức Việt.

Tên thật của anh Nguyễn Đức Việt là Hen-ri, một hàng binh Đức từ quân đội viễn chinh Pháp chạy sang hàng ngũ Việt Minh trong những ngày đầu kháng chiến ở Trung Bộ. Anh được bố trí công tác ở Nha nghiên cứu kỹ thuật quân giới. Biết được trước đây anh từng là phi công của quân đội Đức trong chiến tranh thế giới lần thứ hai và sau đó là phi công chuyên nghiệp của quân đội viễn chinh Pháp, Bộ Quốc phòng đã điều anh qua Ban nghiên cứu không quân làm giáo viên đào tạo hoa tiêu.

May mắn cho anh là khỏi phải "dạy chay". Anh được sử dụng hai chiếc máy bay của Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn vừa thoái vị.

Hai chiếc máy bay Chính phủ Pháp tặng Bảo Đại khi còn trị vì, kèm theo một phi công Pháp làm nhiệm vụ lái và theo dõi sự đi lại của Bảo Đại. Chỉ có tổ bảo dưỡng máy bay và tổ khí tượng phục vụ bay là do người Việt Nam được Pháp huấn luyện đảm nhiệm. Chiếc Tiger Moth, hai tầng cánh và hai chỗ ngồi trước và sau, có một động cơ cánh quạt do hãng De Havillan của Anh chế tạo từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Máy bay còn tốt, tốc độ tối đa khoảng 200km/giờ, có thể cất cánh và hạ cánh trên sân hẹp, đường băng ngắn. Chiếc Moran Sonier 343 do Pháp chế tạo, một tầng cánh, một động cơ cánh quạt, hai chỗ ngồi, thuộc loại máy bay thể thao, có tốc độ nhanh hơn và có thể nhào lộn được.

Cuối năm 1945, khi được Bác Hồ mời ra làm cố vấn cho Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, Bảo Đại thấy không còn đủ điều kiện dùng riêng, đã đề xuất với Chính phủ ta tổ chức đưa hai chiếc máy bay từ Huế ra Hà Nội. Chính phủ chấp thuận đề nghị đó. Giáo sư Tạ Quang Bửu, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, được giao nhiệm vụ chỉ đạo việc tổ chức thực hiện. Đồng chí Phan Phác, Cục trưởng Cục Quân huấn, một trong số ít người Việt Nam biết chút ít về kỹ thuật hàng không được giao trách nhiệm trực tiếp phụ trách. Máy bay được tháo cánh chỡ bằng cầu trục ra Hà Nội và chuyển về

sân bay Tông, thuộc huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Tây) tạm cất giấu.

Tháng 12-1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Có ý kiến đề xuất với Bộ Quốc phòng cho sử dụng chiếc Moran Sonier 343 để nã đạn súng cối vào quân Pháp đang bị vây hãm ở thành phố Nam Định. Bác Hồ không đồng ý. Bác chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu bí mật đem hai chiếc máy bay cất giấu ở căn cứ địa Việt Bắc.

Tháng 1-1947 hai chiếc máy bay được đưa xuống thuyền, theo đường sông Hồng và sông Lô, ngược lên Tuyên Quang, tạm cất giấu ở sân bay Bình Ca. Tháng 3-1947, sân bay Bình Ca bị máy bay Pháp bắn phá. Một trong hai chiếc bị hỏng nhẹ, được sửa chữa lại. Để phòng quân Pháp tấn công lên Việt Bắc, một lần nữa hai chiếc máy bay lại xuống thuyền sơ tán lên Chiêm Hóa. Một bãi cày trồng ngô cách huyện lỵ Chiêm Hóa độ 10km được sửa sang làm chỗ tạm cho máy bay có thể cất cánh, hạ cánh được.

Hai chiếc máy bay được bảo dưỡng tốt, chờ lệnh phục vụ cho việc huấn luyện đào tạo phi công. Nhờ có hai "dụng cụ thực quan" đó mà Nguyễn Đức Việt cùng một số cán bộ khác đã đào tạo thành công hai khóa hoa tiêu I và II bao gồm 130 người. Là trưởng ban huấn luyện, Nguyễn Đức Việt dạy rất nhiều môn: kỹ thuật, vật lý hàng không, lý thuyết phi hành, tổ chức phi trường... Chính Nguyễn Đức Việt là người đầu tiên lái thử chiếc Tiger Moth tại bãi Soi Trinh, bên bờ sông Gắm. Hôm đó, ngày 15-8-1949, Việt ngồi ghế lái chính, đồng chí Hà Đồng ngồi ghế sau. Máy bay cất cánh tốt. Sau khi bay lượn một vòng ở độ cao 1000 mét, máy bay vẫn hoạt động bình thường, nhưng khi hạ cánh thì bộ phận điều khiển bị trục trặc. Việt bình tĩnh cho máy bay tiếp đất dọc bờ sông. Máy bay bị hỏng nhẹ vài bộ phận, không bay tiếp được. Lần đầu tiên một máy bay mang cờ Việt Nam dân chủ cộng hòa lượn trên vùng trời tự do của đất nước. Nhân dân đã hò hời đến giúp bộ đội kéo máy bay vào nơi an toàn.

Có điều lý thú là hai chiếc máy bay cổ lỗ sĩ ngày ấy đã làm cho quân Pháp lo sợ. Năm 1954, tạp chí Không lực của Pháp cho biết là từ đầu năm 1950, Bộ chỉ huy Pháp ở Bắc Bộ đã ra lệnh cho những chốt lẻ của chúng lúc nào cũng phải bố trí một đại liên hoặc trung liên chĩa thẳng lên trời, để phòng máy bay Việt Minh tấn công

Dac San Su Kien va Nhan Chung So 3: "Vi Mien Nam Ruot Thit," Quan Doi Nhan Dan special magazine issue, accessed 13 April 2005 at <http://www.quandoinhandan.org.vn/60nam/So3/323.htm>

Bộ đội Hóa học ra đời

Trần Nam Giang

Từ năm 1955, tại Trường sĩ quan Lục quân, quân đội ta đã tổ chức một lớp tập huấn cơ bản về hóa học-nguyên tử với thời gian một tháng cho 17 đồng chí giáo viên của trường. Bước vào năm 1956, Bộ Quốc phòng đã thành lập Tổ nghiên cứu tác chiến dưới điều kiện vũ khí nguyên tử hóa học ở Cục Quân huấn do đồng chí Đặng Quân Thụy (Tư lệnh Binh chủng Hòa học những năm 1976-1985) phụ trách.

Cùng trong năm 1956, Trường sĩ quan Lục quân cử năm đồng chí: Nguyễn Xuân Tấn, Phùng Hữu Đình, Đào Quốc Hưng, Nguyễn Trung Võ, Hoàng Thanh đi học tại Trường hòa học Bắc Kinh (Trung Quốc) với nội dung đào tạo chủ nhiệm hóa học trung đoàn, sư đoàn và cán bộ chỉ huy phân đội. Sau khi các đồng chí này học xong trở về thì khoa Hóa học ở Trường sĩ quan Lục quân được thành lập. Đồng chí Nguyễn Xuân Tấn được phân công làm trưởng khoa. Từ đây những nội dung cơ bản về hóa học-nguyên tử được giảng dạy trong chương trình của học viên sĩ quan. Sau đó việc đào tạo sĩ quan hòa học được đặt ra. Lớp đầu tiên gồm 97 đồng chí, hầu hết là những cán bộ phân đội, xuất thân từ nông dân, công nhân, đã trải qua chiến đấu về học.

Tháng 7-1957, để có đủ số cán bộ hóa học biên chế trong toàn quân, Bộ Quốc phòng chỉ thị cho Trường sĩ quan Lục quân tiếp tục đào tạo hai đại đội hóa học với quân số 162 học viên. Cũng trong tháng 7-1957, tại Trường Trung cao quân sự (nay là Học viện Quốc phòng), khoa Hóa học được thành lập, có nhiệm vụ bồi dưỡng những kiến thức về phòng hòa học-nguyên tử cho cán bộ trung cao cấp toàn quân. Đồng chí Cù Xuân Sắc được cử làm trưởng khoa. Cùng với các lớp đào tạo đầu tiên, đây là những hạt nhân quan trọng cho việc xây dựng lực lượng bộ đội hóa học sau này của quân đội ta.

Sau hơn ba năm tích cực chuẩn bị về mọi mặt, năm 1958, Bộ Tổng tham mưu thông qua đề án tổ chức, xây dựng bộ đội hóa học. Ngày 17-3-1958, căn cứ vào sắc lệnh thành lập Tổng cục Quân huấn của Chủ tịch nước, Bộ Tổng tham mưu ban hành công văn về tổ chức các cơ quan trực thuộc Tổng cục Quân huấn, trong đó có phóng Hóa học-nguyên tử nằm trong Cục Huấn luyện chiến đấu. Phòng Hóa học-nguyên tử ban đầu có bốn đồng chí: Đặng Quân Thụy (Trưởng phòng), Trần Khuê, Lê Liêm, Nguyễn Phúc Thức, làm ba nhiệm vụ: Chỉ đạo huấn luyện, nghiên cứu trang bị khí tài, biên soạn tài liệu.

Ngày 19-4-1958, theo quyết định của Bộ Tổng tham mưu, Trường sĩ quan Lục quân tổ chức một tiểu đoàn hóa học trực thuộc, lấy phiên hiệu là tiểu đoàn 6. Tiểu đoàn có nhiệm vụ vừa đào tạo hạ sĩ quan hóa học cho toàn quân, vừa đảm nhiệm phóng hóa hạt nhân và chiến đấu bằng vũ khí đặc trưng của binh chủng. Đây là tiểu đoàn hóa học đầu tiên của lực lượng hóa học trực thuộc Bộ Quốc phòng. Cùng trong ngày 19-4-1958, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập hai đại đội hóa học trực thuộc Sư đoàn 308 và Sư đoàn 320. Đây là những phân đội hóa học được thành lập đầu tiên tại hai sư đoàn bộ binh trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Như vậy, đến ngày 19-4-1958, bộ đội hóa học đã có tổ chức khá hoàn chỉnh, bảo đảm những yếu tố cần thiết cho sự ra đời của Bộ đội Hóa học Quân đội nhân dân Việt Nam, bao gồm cơ quan chuyên trách chỉ đạo chuyên môn là Phóng Hóa học-nguyên tử nằm trong Cục Huấn luyện chiến đấu, Khoa hóa học ở Trường sĩ quan Lục quân để đào tạo sĩ quan hóa học, Khoa hóa học ở Trường Trung cao quân sự để bồi dưỡng những kiến thức về phóng hóa học-nguyên

tử cho cán bộ trung cao cấp trong toàn quân và các đơn vị cấp tiểu đoàn, đại đội trực thuộc Bộ và sự đoán.

Bộ đội Hóa học, một lực lượng mới của quân đội ta ra đời là một tất yếu khách quan trên con đường xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam theo hướng chính quy, hiện đại để tạo ra sức mạnh mới. Năm 1973, Bộ Tổng Tham mưu đã quyết định lấy ngày 19-4-1958 làm Ngày truyền thống của Bộ đội Hóa học

Số 3: Vì miền Nam ruột thịt

**Trên mặt trận thâm lặng
Ngày về...**

Nguyễn Ngọc Lan

Cán bộ tình báo quân đội mỗi người đến với ngành bằng một lý do. Có người bằng tình yêu nghề nghiệp, có người vì nhiệm vụ trên giao, riêng với đồng chí Vũ Văn Địch (tức Trần Hiệu) đến với ngành tình báo quân sự là cả một câu chuyện dài "ly kỳ", đặc biệt... Sau khi bị địch bắt đày đi biệt xứ, ông "trở về từ phía bên kia" trở thành người Cục trưởng tình báo đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam...

...Ngày ấy-từ một thanh niên yêu nước nhiệt thành, ông Địch tích cực tham gia hoạt động vào các đoàn thể chính trị-xã hội từ phong trào mặt trận dân chủ, hội ái hữu đến phụ trách phòng quản trị của báo Thế giới (tiếng nói của Đoàn thanh niên dân chủ). Năm 1938 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, được Đảng cử làm đại diện công khai ở Hải Phòng phụ trách công tác phát hành báo của mặt trận và công tác đoàn thanh niên dân chủ ở đây. Bị địch bắt tháng 9 năm 1939, lúc ấy là cuối thời kỳ mặt trận dân chủ chống phát xít. Sau nhiều năm liền bị giam không khai thác được gì, năm 1941 chúng đày ông cùng 15 đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương đi biệt xứ sang Ma-đa-ga-xca (châu Phi). Thời gian bị lưu đày ở đây là những tháng ngày chịu đựng cực kỳ gian khổ của 16 đảng viên cộng sản. Bọn chúa ngục thả sức hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần tù nhân, nhưng cũng từ trong gian khổ những người tù cộng sản vẫn luôn tìm mọi cách để tồn tại, để luyện rèn ý chí cách mạng. Các ông đã tự động viên nhau học tiếng Pháp, cùng nhau giữ vững ý chí... và cũng ở đây những người tù cộng sản Đông Dương đã hướng dẫn người dân bản xứ biết cách ăn ở hợp vệ sinh, biết trồng lúa nước, làm khung cửi dệt vải... những việc ấy dân ở đây chưa từng biết đến bao giờ.

Việc lưu đày biệt xứ nhiều năm là câu chuyện dài trong cuộc đời hoạt động của ông. Nhưng ông nhớ và ấn tượng sâu sắc nhất vẫn là chuyện "ngáy trở về" của mình với nhiều nhẽ... có cả chuyện vui và chuyện không vui. Vì những việc làm của ông cùng các bạn tù chưa dễ được "tin ngay". Nhưng dẫu sao với ông, có được ngày ấy là cả một quá trình vô cùng gian khổ mà ông và các đảng viên của Đảng phải tìm mọi cách để tự rèn luyện ý chí cách mạng, tự học tập và khắc phục mọi cực hình của chính sách tù nhân.

Ông kể lại:

Bị địch đày đi xa Tổ quốc, việc bắt liên lạc với tổ chức hoàn toàn không thể được, vì thế mỗi cá nhân phải tự mình "đường sống"

Rồi tình thế thay đổi, quân Anh đánh chiếm Ma-đa-ga-xca buộc quân Pháp phải đầu hàng và trao cả tù nhân chính trị cho họ. Nguyên vọng số một của anh em tù chính trị lúc này làm thế nào để quân Anh "tạo điều kiện" cho về nước chống Nhật, để có thời cơ bắt liên lạc với tổ chức và tiếp tục được hoạt động. Quyết tâm đấy, nhưng trong mỗi người lại vẫn băn khoăn, do dự rằng việc làm đó liệu anh em mình có hiểu? Tổ chức Đảng và cấp trên đánh giá thế nào? Có bị coi là phản bội lại lý tưởng, là đầu hàng địch, là lính chiêu hồi không? Tất cả lý do đó lại được anh em tù chính trị đưa ra thảo luận. Thật khó thay, về bằng cách nào, đi bằng phương tiện gì? Bàn đi tính lại, không còn con đường nào khác, họ cùng nhau nhất trí quyết định "gia nhập quân đội đồng minh". Chỉ có như vậy nguyên vọng trở về Tổ quốc mới được thực hiện. Họ tin tổ chức đảng và mọi người sẽ hiểu. Thế là ông xin "sẵn sàng làm bất cứ việc gì" miễn là được quân đồng minh chấp nhận đưa về nước chống phát xít Nhật.

Ông còn nhớ: ban đầu họ có ý định sử dụng ông và những người tù chính trị vào việc đọc các bản tin trên đài phát thanh ở Xít-ni (Ô-xtrây-li-a) Xan Phran-xi-cô (Mỹ) và Niu Đê-li (Ấn Độ)... những bản tin chống cộng sản, chống Liên Xô. Nhưng ông đã từ chối, vì làm như thế là phản bội lại Đảng, đi ngược lại mục tiêu lý tưởng của những người cộng sản. Sau đó ông lại được quân đội đồng minh giao cho học làm tình báo. Cứ ngày hai buổi, sáng học lý thuyết, chiều tập đánh moóc-xơ và dịch mật mã, được huấn luyện cả bơi lội để khi về nước sẽ đi bằng đường biển... Sau khi đã thành thạo công việc và qua "thử thách" ông được "tin tưởng" giao nhiệm vụ trở về Việt Nam. Lúc đầu họ dự định đi bằng nhiều loại phương tiện, song cuối cùng ông "được về" bằng máy bay cùng với hai người bạn tù là ông Nguyễn Văn Ngọc và ông Nguyễn Văn Minh.

Tháng 3 năm 1945, từ Ấn Độ các ông được đưa lên máy bay B29 bay qua vịnh Bengan, vịnh Thái Lan, ra biển Đông rồi vào vịnh Bắc Bộ và bay dọc theo sông Hồng. Bị quân Nhật phát hiện, bắn dữ dội nên phải bay trở về Ấn Độ. Lần thứ nhất thực hiện không thành, cả ba người đều rất hồi hộp và lo lắng, ai cũng chủ động chuẩn bị cho mình tinh thần sẵn sàng gặp phải tình huống xấu. Ai cũng xác định khó khăn gian khổ lắm, cũng sẵn sàng kể cả hy sinh tính mạng. Ít ngày sau cũng đường bay này họ tổ chức bay lần thứ hai. Lần này bay đêm, tình huống diễn ra khá thuận lợi, không bị phát hiện, nên cả đoàn về tới được nơi đã định. Oái oăm thay, cuộc hạ cánh không đúng thời gian dự kiến, vì đêm tối giờ to nên điểm rơi bị chệch chừng hơn mười cây số. Dù hàng được thả trước dù người xuống sau, khi tiếp đất, người thì rơi xuống ao, người thì mắc trên ngọn tre rìa làng, thấy động chớ sửa inh ỏi... Nhưng rồi mọi người cũng cất được dù tập hợp lại và tìm về Ba Thá, Hà Tây (khi ấy vào tháng 3-1945). Hầu hết những địa phương quanh vùng này hiện vẫn do quân Nhật chiếm đóng, tuy vậy lúc này lực lượng và hoạt động của Việt Minh ở các nơi đã mạnh, quân Nhật không dám tự bỏ căn cứ vào làng lũng tục, bắt bớ như trước, an ninh có phần "tinh hơn", lại được những người tuần đình giúp sức nên các ông đã chôn dùi, giấu vũ khí, điện đài... ngay trong đêm ấy. Vậy mà bọn Nhật vẫn "đánh hơi" được và cho bọn thám báo mắt nhúc nháy lùng xung quanh, nhưng chúng không ngờ "nhóm